

---

**Luận văn**

**Nâng cao chất lượng thẩm định tài chính**  
**dự án trong hoạt động cho vay tại Ngân**  
**Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

---

## Chương 1

### **Thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM - những vấn đề cơ bản**

#### **1.1. Sự cần thiết thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM**

##### **1.1.1. Hoạt động cho vay của NHTM**

###### ***1.1.1.1. Hoạt động cơ bản của NHTM trong nền kinh tế***

NHTM là một doanh nghiệp đặc biệt, hoạt động và kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ và tín dụng, không trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất như các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực sản xuất - kinh doanh nhưng tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình sản xuất, lưu thông và phân phối sản phẩm xã hội bằng cách cung ứng vốn tín dụng, vốn đầu tư cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mở rộng kinh doanh, góp phần tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế.

Theo định nghĩa ở Việt Nam, pháp lệnh Ngân hàng, HTX tín dụng và công ty tài chính ngày 24/05/1990 (Điều I, Khoản 1): "*Ngân hàng thương mại là một tổ chức kinh doanh tiền tệ mà hoạt động chủ yếu và thường xuyên là nhận tiền gửi của khách dưới những hình thức khác nhau với trách nhiệm hoàn trả và sử dụng số tiền đó để cho vay, để chiết khấu và để làm phương tiện thanh toán*". Như vậy, NHTM sẽ tiến hành hoạt động huy động những nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của các tổ chức cá nhân chuyển đến những người có nhu cầu về vốn cho đầu tư sản xuất. Hay Ngân hàng là một doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho công chúng và doanh nghiệp. Thành công của Ngân hàng phụ thuộc vào năng lực xác định các dịch vụ tài chính mà xã hội có nhu cầu, thực hiện các dịch vụ đó một cách có hiệu quả. Các NHTM ngày nay cung cấp rất nhiều các loại hình dịch vụ tài chính khác nhau, bao gồm các hoạt động cung cấp dịch vụ mang tính chất truyền thống (dịch vụ trao đổi tiền tệ, cung cấp các dịch vụ uỷ

---

---

thác,...), và các dịch vụ mới (cho vay tiêu dùng, tư vấn tài chính, quản lý tiền mặt,...). Có thể xem xét sơ qua về một số hoạt động cơ bản của một NHTM như sau.

### ✓ **Hoạt động huy động vốn**

Huy động vốn là hoạt động tạo vốn cho Ngân hàng thương mại, nó đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng tới chất lượng hoạt động của ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của một Ngân hàng thương mại bao gồm: *Nhận tiền gửi, phát hành các giấy tờ có giá ra công chúng, vay từ các tổ chức khác, tự tài trợ bằng vốn chủ sở hữu của ngân hàng.*

Tuy nhiên, dưới bất kỳ hình thức huy động nào thì Ngân hàng thương mại đều phải trả một chi phí nhất định, đó là chi phí huy động vốn hay còn gọi là chi phí đầu vào của ngân hàng. Các chi phí này được bù đắp thông qua việc cho vay và đầu tư của ngân hàng.

### ✓ **Hoạt động cho vay và đầu tư**

Hoạt động cho vay và đầu tư là hoạt động mang lại thu nhập chủ yếu cho Ngân hàng. Thông qua hoạt động này Ngân hàng có thể bù đắp được các chi phí cho việc huy động vốn. Trong đó, hoạt động cho vay chiếm vị trí quan trọng hơn cả, Ngân hàng có khả năng đối diện với rủi ro mất khả năng thanh toán là rất lớn, quyết định sự tồn tại của mọi ngân hàng.

Có nhiều hình thức phân loại một khoản vay của Ngân hàng thương mại: theo giá trị thời gian có vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn; theo đối tượng khách hàng có doanh nghiệp, cá nhân, chính phủ,...

### ✓ **Hoạt động trung gian**

Cũng như đã nói ở trên, nếu một tổ chức nào đó chỉ thực hiện 2 nghiệp vụ huy động vốn và sử dụng vốn thì không thể coi là một ngân hàng được. Vì vậy các Ngân hàng thương mại muốn được hiểu theo đúng nghĩa của nó thì còn thực hiện cả nghiệp vụ trung gian thanh toán theo yêu cầu

---

---

của khách hàng như chuyển tiền, thanh toán không dùng tiền mặt, cung cấp dịch vụ... Nghiệp vụ này không những mang lại thu nhập cho Ngân hàng (Ngân hàng thực hiện theo sự uỷ nhiệm của khách hàng được hưởng tiền hoa hồng) mà còn góp phần thúc đẩy hỗ trợ các nghiệp vụ nói trên

Ngân hàng cần phải hội đủ cả ba hoạt động trên. Nếu thiếu 1 thì không thể coi là ngân hàng được. Vì vậy, ba hoạt động này là một thể thống nhất có quan hệ mật thiết với nhau, coi nhẹ hoạt động nào thì đều làm cho ngân hàng không phát huy được hết sức mạnh tổng hợp.

Tóm lại, có thể định nghĩa NHTM như sau: *NHTM là một tổ chức kinh tế được thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh tiền tệ và tín dụng với nội dung thường xuyên là nhận tiền gửi, sử dụng tiền gửi đó để cấp tín dụng và cung ứng các dịch vụ thanh toán và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan.*

#### **1.1.1.2. Hoạt động cho vay của NHTM**

Cho vay được coi là hoạt động sinh lời cao, đồng thời nó cũng là hoạt động kinh doanh chủ chốt của NHTM để tạo ra lợi nhuận. Khoản mục cho vay chiếm quá nửa giá trị tổng tài sản và tạo ra từ 1/2 đến 2/3 nguồn thu nhập của Ngân hàng. Hay Ngân hàng là tổ chức cho vay chủ yếu đối với các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình và một phần đối với Nhà nước (thành phố, tỉnh...). Vì vậy, có thể nói NHTM hỗ trợ cho sự phát triển của cộng đồng thông qua việc cung cấp tín dụng, đáp ứng nhu cầu tài chính của xã hội với một mức lãi suất hợp lý. Cho vay là chức năng kinh tế cơ bản hàng đầu của các Ngân hàng.

Ngày nay, nền kinh tế phát triển kéo theo nhu cầu về tín dụng của khách hàng rất đa dạng và phong phú. Để đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn, các NHTM đã cung cấp nhiều loại hình tín dụng khác nhau. Tùy vào các căn cứ mà tín dụng có thể phân thành các loại sau

- Căn cứ vào mục đích vay vốn có thể kể đến các khoản tín dụng như

---

---

sau: Cho vay kinh doanh, cho vay tiêu dùng và các khoản cho vay khác.

- Căn cứ vào lãi suất, thì có các loại hình như sau: Cho vay với lãi suất thả nổi, cho vay với lãi suất cố định và cho vay với lãi suất ưu đãi.

- Căn cứ vào tính chất bảo đảm, có các loại tín dụng: Cho vay có bảo đảm và cho vay không có bảo đảm.

- Căn cứ vào thời gian vay của khách hàng (đây là một tiêu thức phân loại rất quan trọng) thì có thể kể đến hai loại hình tín dụng: tín dụng ngắn hạn, tín dụng trung và dài hạn.

Cho vay ngắn hạn: là những khoản cho vay có thời gian từ một năm trở xuống.

Cho vay trung và dài hạn: Là khoản cho vay có thời gian trên một năm, được tiến hành chủ yếu trên các dự án đầu tư với thời gian thu hồi vốn chậm.

Hoạt động cho vay mang lại cho ngân hàng rất nhiều rủi ro tiềm ẩn, đặc biệt là cho vay trung và dài hạn theo dự án. Tuy nhiên, ngày nay, các ngân hàng ngày càng trở nên năng động trong việc tài trợ cho các doanh nghiệp mua sắm trang thiết bị, xây dựng, cải tiến kỹ thuật, mua công nghệ... đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao. Với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ, để tồn tại và phát triển nhu cầu vốn trung và dài hạn ngày càng cao. Và trong đó thì lại phải nói đến cho vay theo các dự án. Khi khách hàng có kế hoạch mua sắm, xây dựng tài sản cố định...nhằm thực hiện dự án nhất định, có thể xin vay ngân hàng. Một trong những yêu cầu của ngân hàng là người vay phải xây dựng dự án, thể hiện mục đích, kế hoạch đầu tư cũng như quá trình thực hiện dự án (sản xuất kinh doanh). Thẩm định dự án là điều kiện để ngân hàng quyết định phân vốn cho vay và xác định khả năng hoàn trả của doanh nghiệp.

Đặc điểm của loại hình này là có số vốn cho vay lớn, thời gian cho vay dài, chịu nhiều biến động và do đó có độ rủi ro cao. Và cũng do đặc

---

---

điểm này mà ngân hàng thường đòi hỏi phải có bảo lãnh, theo đó ngân hàng có thể thu hồi khoản vay từ tổ chức bảo lãnh khi khách hàng không có đủ khả năng trả nợ. Đồng thời việc cho vay đòi hỏi sự tham gia của một số tổ chức tài chính khác nhằm chia sẻ rủi ro. Tuy nhiên trong điều kiện kinh tế thị trường, cạnh tranh giữa các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác ngày càng gay gắt. Vì thế, để Ngân hàng thắng trong cuộc cạnh tranh giành khách hàng này, ngân hàng sẽ phải tính đến biện pháp cho vay mà không cần bảo lãnh. Nhưng đây là một vấn đề rất khó khăn và nan giải.

Vậy để ngân hàng vừa tăng được khả năng cạnh tranh mà vẫn bảo đảm cho khoản thu nhập xứng đáng và bảo đảm an toàn vốn thì ngân hàng phải có những dự án tốt. Ngày nay, trong quản trị hoạt động Ngân hàng thương mại, các ngân hàng đều chú trọng tới việc làm giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra với các dự án cho vay đầu tư. Quá trình cho vay của một dự án thường gồm nhiều khâu: từ thẩm định, xét duyệt, quyết định cho vay tới kiểm tra sử dụng vốn vay và theo dõi, xử lý thu hồi nợ sau khi cho vay. Trong đó, các Ngân hàng thương mại thường xem giai đoạn trước khi cho vay - giai đoạn phân tích tín dụng, thẩm định dự án - là quan trọng nhất. Kết quả của khâu này sẽ mang tính quyết định đối với một khoản cho vay. Đặc biệt, thẩm định dự án chính là khâu mà ngân hàng phải quan tâm hàng đầu để đảm bảo tránh được các rủi ro của một khoản cho vay, tạo sự an toàn và lành mạnh trong hoạt động của ngân hàng.

### **1.1.2. Các vấn đề về dự án và thẩm định tài chính dự án**

#### ***1.1.2.1. Các vấn đề về dự án***

Trước hết, chúng ta phải hiểu khái niệm về đầu tư. Đầu tư theo nghĩa rộng, nói chung, là sự hy sinh các nguồn lực ở hiện tại để tiến hành các hoạt động nào đó nhằm thu về cho người đầu tư các kết quả nhất định trong tương lai lớn hơn các nguồn lực đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó. Nguồn lực đó có thể là tiền, là tài nguyên thiên nhiên, là sức lao động và trí

---

---

tuệ.

Đối với doanh nghiệp, đầu tư là hoạt động chủ yếu, quyết định sự phát triển và khả năng tăng trưởng của doanh nghiệp. Trong hoạt động đầu tư, doanh nghiệp bỏ vốn dài hạn nhằm hình thành và bổ sung những tài sản cần thiết để thực hiện những mục tiêu kinh doanh. Hoạt động này được thể hiện tập trung thông qua việc thực hiện các dự án đầu tư.

**Dự án đầu tư:** là một tập hợp những đề xuất về nhu cầu vốn, cách thức sử dụng vốn, kết quả tương ứng thu được trong một khoảng thời gian xác định đối với hoạt động cụ thể để sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển hoặc phục vụ đời sống.

Có nhiều cách để phân loại dự án đầu tư, thông dụng nhất các dự án đầu tư có thể được phân thành: dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

*Dự án đầu tư mới:* là những dự án có mục tiêu tạo ra sản phẩm, dịch vụ mới để đưa vào thị trường hay những dự án tạo ra các pháp nhân mới. Các dự án thuộc loại này phải được đầu tư toàn bộ nhà xưởng, máy móc, thiết bị...

*Dự án đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh:* Những dự án có mục đích tăng cường năng lực sản xuất, tăng quy mô sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, cải tiến dây chuyền máy móc từ đó tăng doanh thu của doanh nghiệp. Hay nói cách khác, dự án mở rộng sản xuất là dự án được thực hiện trên cơ sở một dự án cũ đang hoạt động.

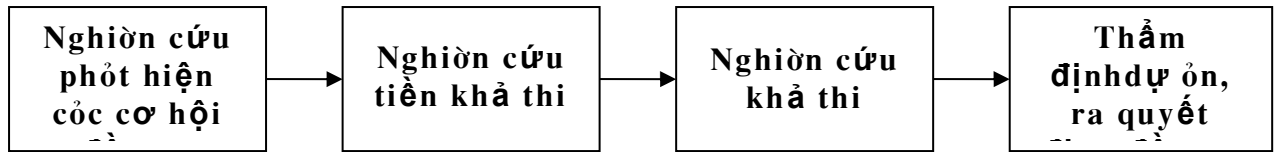
Quá trình hình thành và phát triển một dự án đầu tư trải qua 3 giai đoạn: Chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư và vận hành các kết quả đầu tư.

Nội dung các bước công việc ở mỗi giai đoạn của các dự án không giống nhau, tùy thuộc vào lĩnh vực đầu tư, vào tính chất sản xuất, đầu tư dài hạn hay ngắn hạn...

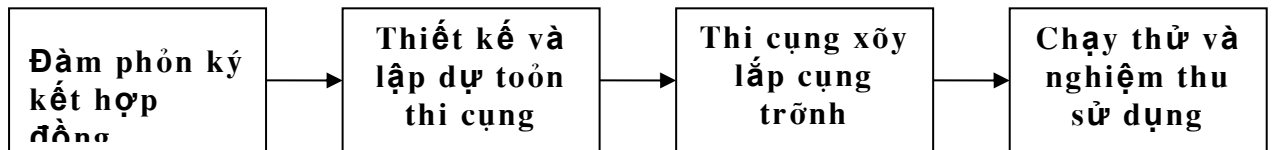
---

Các giai đoạn trên được thể hiện qua sơ đồ sau:

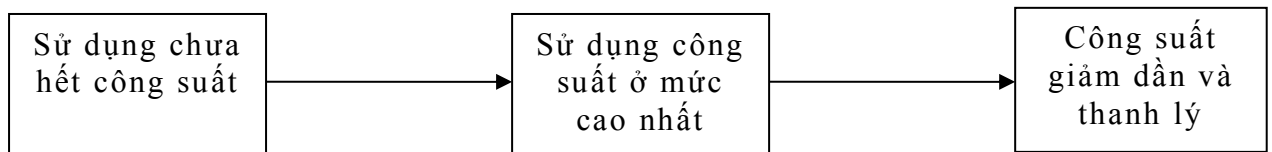
Giai đoạn chuẩn bị đầu tư.



giai đoạn thực hiện đầu tư.



giai đoạn vận hành kết quả đầu tư.



Trong 3 giai đoạn trên đây, giai đoạn chuẩn bị đầu tư tạo tiền đề và quyết định sự thành công hay thất bại ở hai giai đoạn sau, đặc biệt là đối với giai đoạn vận hành kết quả đầu tư.

Do đó, đối với giai đoạn chuẩn bị đầu tư, vấn đề chất lượng, vấn đề chính xác của các kết quả nghiên cứu, tính toán và dự đoán là quan trọng nhất. Trong quá trình soạn thảo dự án phải dành đủ thời gian và chi phí theo đòi hỏi của các nghiên cứu.

Còn về vấn đề nguồn tài trợ cho dự án: trong trường hợp khan hiếm nguồn tài trợ, chủ đầu tư thường quan tâm tới tín dụng ngân hàng. Các khoản tín dụng cho dự án đầu tư chủ yếu là các khoản tín dụng trung và dài hạn. Việc cung cấp tín dụng cho các dự án với số vốn lớn mà thời gian cho vay lại tương đối dài, có những dự án kéo dài đến hàng chục năm. Chính vì

---



---

vậy mà rủi ro không trả được nợ của khách hàng đối với ngân hàng là rất lớn. Để giảm bớt được những rủi ro đó, trước khi cấp tín dụng cho dự án, Ngân hàng phải tiến hành kiểm tra tính khả thi của dự án, xem xét các đặc điểm của dự án, các yếu tố thuộc về môi trường có thể ảnh hưởng tới dự án,... công việc đó chính là công tác thẩm định dự án đầu tư.

### ***1.1.2.2. Các vấn đề về thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của Ngân hàng***

**Thẩm định dự án** là việc tổ chức xem xét một cách khách quan có khoa học và toàn diện các nội dung cơ bản ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp tới việc đầu tư cũng như tính khả thi của một dự án để ra quyết định về đầu tư và cho phép đầu tư. Thẩm định dự án là một khâu quan trọng trong giai đoạn chuẩn bị cho vay, có ý nghĩa quyết định tới các giai đoạn sau của chu kỳ dự án. Vì vậy, kết quả của thẩm định phải độc lập với tất cả những ý muốn chủ quan cho dù đến từ bất kỳ phía nào.

Mục đích của thẩm định dự án là nhằm phát hiện ngăn chặn những dự án xấu, không bỏ sót các dự án tốt trong quy luật ngày càng khan hiếm các nguồn lực.

Thông qua thẩm định dự án Ngân hàng có được cái nhìn tổng quát nhất về chủ đầu tư và về dự án. Về chủ đầu tư Ngân hàng đánh giá được năng lực pháp lý, năng lực tài chính, trình độ, tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại của chủ dự án. Còn về dự án, Ngân hàng đánh giá một cách toàn diện một dự án về các mặt: kỹ thuật, hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và phân phối xuất phát từ quan điểm của nhà đầu tư, nhà tài trợ vốn hay quan điểm của cả nền kinh tế.

Tuy nhiên, đối với Ngân hàng thì thẩm định tài chính vẫn là mục tiêu quan tâm hàng đầu. Bởi vì, trong khi tiến hành thẩm định dự án, Ngân hàng đặc biệt quan tâm tới hiệu quả tài chính của dự án, nhất là thời gian và các nguồn dùng để trả nợ cho Ngân hàng.

---

---

Vì vậy, có thể hiểu hoạt động thẩm định tài chính dự án như sau: **Thẩm định tài chính dự án** là thẩm định các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả tài chính của dự án. Hay nói cách khác, thẩm định tài chính là thẩm định tính khả thi về mặt tài chính của dự án, nhu cầu vay vốn của dự án cũng như khả năng trả nợ và lãi vay của dự án.

### **1.1.3. Sự cần thiết thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM**

Ngân hàng thu lợi chủ yếu nhờ hoạt động cho vay. Chính vì vậy mỗi một khoản tín dụng được cấp ra nhất thiết phải mang lại hiệu quả, điều đó đồng nghĩa với việc đảm bảo cho hoạt động của ngân hàng được an toàn và hiệu quả. Vì vậy, điều ngân hàng quan tâm nhất là khả năng hoàn trả khoản vay cả gốc lẫn lãi đúng thời hạn. Do đó, việc ngân hàng phải tiến hành thẩm định dự án trên mọi phương diện kỹ thuật, thị trường, tổ chức quản lý, tài chính... là rất quan trọng, trong đó thẩm định tài chính dự án có thể nói là quan trọng nhất.

Một dự án đầu tư như đã đề cập thường đòi hỏi một lượng vốn rất lớn, trong một thời gian dài, phần lớn vượt quá khả năng tài chính, khả năng tự tài trợ của các doanh nghiệp. Do vậy họ phải huy động nguồn tài trợ từ các Ngân hàng thương mại. Về phía Ngân hàng thương mại, cho vay theo dự án đầu tư là một nghiệp vụ kinh doanh truyền thống, có khả năng sinh lời cao nhưng cũng chứa đựng nhiều rủi ro. Và để giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra, các Ngân hàng thương mại không có cách nào khác là phải tiến hành thẩm định các dự án đầu tư mà công việc quan trọng nhất ở đây là thẩm định tài chính dự án. Vai trò quan trọng của thẩm định tài chính dự án thể hiện ở chỗ nó chính là căn cứ chính yếu nhất để Ngân hàng thương mại đưa ra quyết định tài trợ của mình.

Có thể nói thẩm định tài chính dự án là nội dung quan trọng nhất và phức tạp nhất trong quá trình thẩm định dự án. Bởi vì nó đòi hỏi sự tổng

---

---

hợp của tất cả các biến số tài chính, kỹ thuật, thị trường... đã được lượng hoá trong các nội dung thẩm định trước nhằm phân tích, tạo ra những bảng dự trù tài chính, những chỉ tiêu tài chính phù hợp có ý nghĩa. Và những chỉ tiêu này, sẽ là những thước đo quan trọng hàng đầu giúp Ngân hàng thương mại đưa ra quyết định cuối cùng: chấp thuận tài trợ hay không?

Về mặt nghiệp vụ, Ngân hàng thương mại với phương châm hoạt động hiệu quả và an toàn, công tác thẩm định tài chính dự án của Ngân hàng giúp cho:

- Ngân hàng có cơ sở tương đối vững chắc để xác định được hiệu quả đầu tư vốn cũng như khả năng hoàn vốn của dự án, quan trọng hơn cả là xác định khả năng trả nợ của chủ đầu tư.

- Ngân hàng có thể dự đoán được những rủi ro có thể xảy ra, ảnh hưởng tới quá trình triển khai thực hiện dự án. Trên cơ sở này, phát hiện và bổ sung thêm các biện pháp khắc phục hoặc hạn chế rủi ro, đảm bảo tính khả thi của dự án đồng thời tham gia ý kiến với các cơ quan quản lý Nhà nước và chủ đầu tư để có quyết định đầu tư đúng đắn.

- Ngân hàng có phương án hạn chế rủi ro tín dụng đến mức thấp nhất khi xác định giá trị khoản vay, thời hạn, lãi suất, mức thu nợ và hình thức thu nợ hợp lý, tạo điều kiện cho dự án hoạt động có hiệu quả.

- Ngân hàng tạo ra các căn cứ để kiểm tra việc sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng và tiết kiệm vốn đầu tư trong quá trình thực hiện đầu tư dự án.

- Ngân hàng rút ra kinh nghiệm trong cho vay để thực hiện và phát triển có chất lượng hơn. Xuất phát từ tính cần thiết, tính thực tế, tính hiệu quả của công tác thẩm định tài chính dự án bản thân nó đã và đang tiếp tục trở thành một bộ phận quan trọng mang tính quyết định trong hoạt động cho vay của mỗi ngân hàng.

Tuy nhiên, để làm tốt công tác thẩm định tài chính dự án, trước

---

---

hết chúng ta phải hiểu nội dung thẩm định tài chính dự án.

## **1.2. Nội dung thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM**

Hoạt động thẩm định tài chính dự án diễn ra theo một quy trình thống nhất với các bước cụ thể. Thông thường, thẩm định tài chính dự án được tiến hành thông qua một số bước sau:

### **1.2.1. Thẩm định tổng mức vốn đầu tư và nguồn tài trợ cho dự án**

#### ***1.2.1.1. Thẩm định tổng mức vốn đầu tư***

Đây là nội dung quan trọng đầu tiên cần xem xét khi tiến hành phân tích tài chính dự án. Việc thẩm định chính xác tổng mức vốn đầu tư có ý nghĩa rất quan trọng đối với tính khả thi của dự án. Nếu mức vốn đầu tư dự tính quá thấp dự án sẽ không thực hiện được, ngược lại nếu dự tính quá cao sẽ không phản ánh chính xác hiệu quả tài chính của dự án.

Tổng mức vốn đầu tư của dự án bao gồm toàn bộ số vốn cần thiết để thiết lập và đưa dự án vào hoạt động. Tổng mức vốn này được chia ra thành hai loại: Vốn đầu tư vào tài sản cố định và vốn lưu động ban đầu.

***Vốn đầu tư vào tài sản cố định bao gồm:*** đầu tư vào trang thiết bị, dây truyền sản xuất... tuy nhiên, cũng cần phải chú ý đến chi phí "chìm" - tức là chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra không liên quan đến việc dự án có khả thi hay không. Điển hình là các chi phí khảo sát địa điểm xây dựng dự án, chi phí tư vấn thiết kế dự án...

***Vốn lưu động ban đầu bao gồm:*** vốn đầu tư vào tài sản lưu động ban đầu nhằm đảm bảo cho dự án có thể đi vào hoạt động bình thường theo các điều kiện kinh tế, kỹ thuật đã dự tính. Nó bao gồm: nguyên vật liệu, điện nước, nhiên liệu, phụ tùng, tiền lương, hàng dự trữ,... và vốn dự phòng.

---

### **1.2.1.2. Thẩm định nguồn tài trợ cho dự án**

Trên cơ sở tổng vốn đầu tư cho dự án, ngân hàng tiến hành xem xét các nguồn tài trợ cho dự án, trong đó phải tìm hiểu về khả năng đảm bảo vốn từ mỗi nguồn về quy mô và tiến độ. Các nguồn tài trợ cho dự án có thể do chính phủ tài trợ, ngân hàng cho vay, vốn tự có của chủ đầu tư, vốn huy động từ các nguồn khác.

Để đảm bảo tiến độ thực hiện đầu tư của dự án, vừa để tránh ứ đọng vốn, nên các nguồn tài trợ được xem xét không chỉ về mặt số lượng mà phải theo dõi cả về thời điểm nhận được tài trợ.

Tiếp đó phải so sánh nhu cầu về vốn với khả năng đảm bảo vốn cho dự án từ các nguồn về số lượng và tiến độ. Khả năng lớn hơn hoặc bằng nhu cầu thì dự án được chấp nhận. Sau khi xem xét các nguồn tài trợ cho dự án cần xem xét cơ cấu nguồn vốn của dự án. Có nghĩa là xem xét tỷ lệ từng nguồn chiếm trong tổng mức vốn đầu tư dự kiến.

Vậy qua nghiên cứu bước này ngân hàng có thể có được quyết định phù hợp nếu cho vay thì phải giải ngân như thế nào để đảm bảo dự án được tiến hành một cách thuận lợi.

### **1.2.2. Thẩm định dòng tiền của dự án**

Sau khi thẩm định tổng nhu cầu vốn, cơ cấu nguồn vốn và tiến độ huy động vốn, bước tiếp theo là thẩm định các chỉ tiêu kinh tế tài chính của dự án, tức là ngân hàng xem xét tới các yếu tố thu, chi, từ đó xem xét được dòng tiền của dự án. Việc thẩm định các chỉ tiêu này được thực hiện thông qua việc thẩm định các báo cáo tài chính dự tính cho từng năm hoặc từng giai đoạn của đời dự án.

Tuy nhiên để đi vào thẩm định dòng tiền của dự án thì phải hiểu được khái niệm giá trị thời gian của tiền. Tiền có giá trị về mặt thời gian do

---

ảnh hưởng của các yếu tố: lạm phát, rủi ro, thuộc tính vận động và khả năng sinh lời của tiền.

Thông thường ngân hàng thẩm định dòng tiền của dự án thì thẩm định các yếu tố sau

#### ***1.2.2.1. Thẩm định dòng tiền vào của dự án***

Dòng tiền vào của dự án là dòng tiền sau thuế mà doanh nghiệp có thể thu hồi để tái đầu tư vào một dự án khác. Dòng tiền vào thực ra chính là các khoản phải thu của dự án và vì vậy nó mang dấu dương. Các khoản phải thu của dự án thường được tính theo năm và được dựa vào kế hoạch sản xuất, tiêu thụ hàng năm của dự án để xác định. Trong bước này, cán bộ thẩm định xác định công suất huy động dự tính của chủ dự án có chính xác hay không; khả năng tiêu thụ sản phẩm; giá cả của sản phẩm bán ra;... dựa vào định hướng phát triển của ngành nghề và dự báo ảnh hưởng của các yếu tố môi trường.

#### ***1.2.2.2. Thẩm định dòng tiền ra của dự án***

Dòng tiền ra của dự án được thể hiện thông qua chi phí của dự án nên mang dấu âm. Dòng tiền ra liên quan đến các chi phí đầu tư cho tài sản cố định, cho xây dựng và cho mua sắm. Và các chỉ tiêu phản ánh chi phí cũng được tính theo từng năm trong suốt vòng đời của dự án. Việc dự tính các chi phí sản xuất, dịch vụ được dựa trên kế hoạch sản xuất hàng năm, kế hoạch khấu hao, kế hoạch trả nợ của dự án. Cán bộ thẩm định xem xét tính đầy đủ của các loại chi phí, kế hoạch trích khấu hao có phù hợp hay không...

Khấu hao là một yếu tố của chi phí sản xuất. Bởi vậy mức khấu hao có ảnh hưởng đến lợi nhuận, đến mức thuế thu nhập phải nộp hàng năm của doanh nghiệp. Nếu khấu hao tăng, lợi nhuận giảm và do đó thuế thu nhập doanh nghiệp giảm và ngược lại. Vì vậy, việc xác định chính xác mức khấu hao có ý nghĩa rất quan trọng trong phân tích tài chính dự án. Mức khấu

---

---

hao được xác định hàng năm lại phụ thuộc vào phương pháp tính khấu hao.

### ***1.2.2.3. Thẩm định dòng tiền của dự án***

Trên cơ sở số liệu dự tính về dòng tiền vào và dòng tiền ra từng năm có thể dự tính mức lãi lỗ hàng năm của dự án. Đây là một chỉ tiêu rất quan trọng, nó phản ánh kết quả của hoạt động sản xuất, dịch vụ trong từng năm của vòng đời dự án. Đối với Ngân hàng thương mại nó là cơ sở về mặt tài chính để đánh giá dự án một cách chính xác.

Trong thẩm định tài chính dự án, việc thẩm định dòng tiền của dự án có thể nói là việc khó nhất. Thẩm định tài chính dự án quan tâm tới lượng tiền đi vào (dòng vào) và đi ra (dòng ra) của dự án. Đảm bảo cân đối thu chi (cân đối dòng tiền vào và dòng tiền ra) là mục tiêu quan trọng của phân tích tài chính dự án.

Thu chi của dự án được xác định từ những thông tin trong các báo cáo thu nhập và chi phí của dự án, song vấn đề là cần phân biệt giữa khoản thu và doanh thu, giữa chi phí và khoản chi trước khi xây dựng bảng cân đối thu chi của dự án.

- Thẩm định dòng tiền ra hay chính là chi phí của dự án: cần phân biệt được giữa các chi phí và khoản chi. Đối với chi phí, doanh nghiệp đã chấp nhận mua hàng hoá, dịch vụ nhưng có thể luồng tiền đi ra chưa xuất hiện; còn các khoản chi thì doanh nghiệp đã thực sự bỏ tiền, tức là đã có luồng ra xuất hiện. Chi phí mà chủ dự án phải bỏ ra đầu tiên phải kể đến là chi phí cho máy móc, nhà xưởng, trang thiết bị, ngoài ra cũng phải tính đến các chi phí đi kèm như chi phí lắp đặt, vận chuyển, bảo hiểm, chi phí cho việc đào tạo công nhân vận hành, chi phí chạy thử,...

Trong việc tính toán chi phí cũng cần phải tính đến yếu tố chi phí cơ hội, *chi phí cơ hội được định nghĩa là cơ hội thu nhập bị bỏ qua do chấp nhận dự án này mà không chấp nhận dự án khác.* Khi tính toán các khoản

---

---

chi cho máy móc và thiết bị, một dữ kiện dễ bị bỏ qua là vốn luân chuyển cần cho vận hành công trình đầu tư, cũng phải được đưa vào để tính toán chi phí đầu tư. Nếu số vốn luân chuyển được thu hồi khi dự án ngưng hoạt động thì dự án có giá trị ròng tại thời điểm cuối và dữ kiện này cần phải được tính tới. Các chi phí chìm sẽ không được tính đến trong phân tích, nó không nên coi là chi phí để đưa vào dòng tiền, bởi nó là chi phí mà chủ dự án bỏ ra cho dù dự án đó có được chấp nhận hay không. Ngoài ra, chi phí khấu hao là một chi phí khá quan trọng, trong báo cáo thu nhập của kế toán, khấu hao được khấu trừ vào chi phí để xác định lợi nhuận trong kì, nhưng nó là chi phí không xuất quỹ, khấu hao được coi như là một nguồn thu nhập của dự án.

Trong khi thẩm định dòng chi phí cũng cần phải chú ý đến lãi vay, lãi vay vừa là khoản chi phí vừa là khoản chi tiêu bằng tiền thật sự nhưng lãi vay thì cũng không được đưa vào dòng tiền vì lãi vay tượng trưng cho giá trị thời gian của tiền và khoản này được tính bằng cách chiết khấu dòng tiền tương lai.

- Thẩm định dòng thu nhập: Cần phân biệt được doanh thu và các khoản thu. Doanh thu là giá trị của hàng hoá, dịch vụ đã được bán ra và người mua tuyên bố chấp nhận mua hàng hoá, dịch vụ. Tuy nhiên, đối với các khoản được ghi nhận là doanh thu thì không xác định được người mua đã trả tiền hay chưa, còn đối với các khoản thu thì chắc chắn là doanh nghiệp đã thu được tiền. Tức là doanh thu thì có thể chưa xuất hiện dòng tiền đi vào doanh nghiệp nhưng đối với khoản thu thì chắc chắn dòng vào đã xuất hiện.

Trong dòng thu của dự án cũng cần phải tính tới giá trị còn lại của thiết bị, máy móc khi dự án kết thúc. Giá trị còn lại của một tài sản là giá trị tài sản có thể bán được tại thời điểm dự án kết thúc. Đối với dòng thu còn cần phải chú ý các khoản thu từ dự án phải loại bỏ thuế thu nhập để tính toán dòng tiền được chính xác. Chính vì vậy, dòng tiền được sử dụng

---



---

để tính toán trong thẩm định dự án đầu tư là dòng tiền sau thuế.

Vậy dòng tiền của dự án là chênh lệch giữa số tiền nhận được và số tiền chi ra. Dòng tiền mặt không giống như lợi nhuận hay thu nhập. Thu nhập vẫn có thể thay đổi trong khi không có sự thay đổi tương ứng trong dòng tiền mặt.

Và dòng tiền của dự án được tính như sau

$$\begin{array}{rcccl} \text{Dòng tiền ròng} & = & \text{Lợi nhuận sau} & + & \text{Khấu hao} \\ \text{năm thứ } i & & \text{thuế năm thứ } i & & \text{năm thứ } i \end{array}$$

### 1.2.3. Các chỉ tiêu tài chính của dự án

Một dự án được đánh giá là rất tốt khi dự án đó phải tạo ra được mức lợi nhuận tuyệt đối - tức khối lượng của cải ròng lớn nhất; có tỷ suất sinh lời cao - ít nhất phải cao hơn tỷ suất lãi vay hoặc suất sinh lời mong muốn hoặc suất chiết khấu bình quân ngành hoặc thị trường; khối lượng và doanh thu hoà vốn thấp và dự án phải nhanh chóng thu hồi vốn - để hạn chế những rủi ro bất trắc.

Xuất phát từ suy nghĩ đó, người ta có những chỉ tiêu tương ứng dùng để thẩm định tính hiệu quả của dự án.

#### ✓ Chỉ tiêu Giá trị hiện tại ròng (NPV)

Phân tích tài chính một dự án đầu tư là phân tích căn cứ trên các dòng tiền của dự án. Trên cơ sở các luồng tiền được dự tính, các chỉ tiêu về tài chính được tính toán làm cơ sở cho việc ra quyết định đầu tư.

Giá trị hiện tại ròng của một dự án là chênh lệch giữa giá trị hiện tại của các luồng tiền dự tính dự án mang lại trong tương lai với giá trị đầu tư ban đầu. Do vậy, chỉ tiêu này phản ánh giá trị tăng thêm (khi NPV dương) hoặc giảm đi (khi NPV âm).

Công thức tính toán giá trị hiện tại ròng (NPV) như sau:

---

$$NPV = C_0 + \frac{C_1}{(1+r)} + \frac{C_2}{(1+r)^2} + \frac{C_3}{(1+r)^3} + \dots + \frac{C_n}{(1+r)^n}$$

Trong đó: NPV là giá trị hiện tại ròng

$C_0$  là vốn đầu tư ban đầu vào dự án, do là khoản đầu tư luồng tiền ra nên  $C_0$  mang dấu âm.

$C_1, C_2, C_3, \dots, C_n$  là các luồng tiền dự tính dự án mang lại các năm 1, 2, 3, ..., t; r là tỷ lệ chiết khấu phù hợp của dự án.

Phương pháp giá trị hiện tại ròng được xây dựng dựa trên giả định có thể xác định tỷ suất chiết khấu thích hợp để tìm ra giá trị tương đương với thời điểm hiện tại của một khoản tiền trong tương lai.

Ngân hàng khi cho vay thường chỉ quan tâm đến vấn đề trả gốc và lãi của doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi thẩm định dự án doanh nghiệp thường đưa ra tỷ lệ chiết khấu cao để  $NPV > 0$ . Vì vậy, ngân hàng cần thẩm định NPV để thẩm định việc dự tính tỷ lệ chiết khấu của doanh nghiệp là hợp lý hay không. Và với tỷ lệ chiết khấu hợp lý đó thì  $NPV > 0$  sẽ giúp cho Ngân hàng khẳng định việc cho vay là có hiệu quả.

Ưu điểm của NPV là tính trên dòng tiền và xét đến giá trị thời gian của tiền, xét đến qui mô dự án và thoả mãn yêu cầu tối đa hoá lợi nhuận, phù hợp với mục tiêu hoạt động của ngân hàng.

Nhược điểm của NPV là chỉ tiêu này chỉ cho biết quy mô mà không cho biết thời gian nhanh hay chậm. Và lãi suất đo lường chi phí cơ hội của vốn bằng lãi suất thị trường, cho nên việc giữ nguyên một tỷ lệ chiết khấu cho cả thời kỳ hoạt động của dự án là không hợp lý.

Vì vậy, sự kết hợp với các chỉ tiêu khác vẫn là điều cần thiết khi tiến hành thẩm định dự án trong các điều kiện thực tế, cụ thể.

### ✓ **Chỉ tiêu Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ (IRR)**

---

Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ là tỷ lệ chiết khấu mà tại đó giá trị hiện tại ròng của dự án bằng 0, tức giá trị hiện tại của dòng thu nhập tính theo tỷ lệ chiết khấu đó cân bằng với hiện giá của vốn đầu tư. Hay nói cách khác, nó chính là tỷ lệ sinh lợi tối thiểu của dự án.

Mỗi phương án đầu tư đem ra phân tích đánh giá cần được tính IRR. Phương án được chọn là phương án IRR lớn hơn chi phí vốn (tỷ lệ chiết khấu). IRR là lãi suất cần tìm sao cho  $NPV = 0$ .

$$\text{Nghĩa là từ CT: } NPV = C_0 + \frac{C_1}{1+IRR} + \frac{C_2}{(1+IRR)^2} + \dots + \frac{C_n}{(1+IRR)^n}$$

⇒ Tìm IRR?

Chọn tìm 2 lãi suất  $r_1$  và  $r_2$  để sao cho tương ứng với  $r_1$  ta có  $NPV_1 > 0$ , ứng với  $r_2$  ta có  $NPV_2 < 0$ . IRR cần tìm ứng với  $NPV = 0$  sẽ nằm giữa 2 tỷ suất chiết khấu  $r_1$  và  $r_2$ . Và áp dụng phương pháp nội suy ta có được kết quả của IRR theo công thức

$$IRR = r_1 + \frac{NPV_1 \cdot (r_2 - r_1)}{NPV_1 - NPV_2}$$

Trong đó  $r_2 > r_1$ ,  $NPV_1 > 0$  gần 0,  $NPV_2 < 0$  gần 0

Qua cách tính trên cho thấy IRR là tỷ suất nội hoàn từ những khoản thu nhập của một dự án. Điều đó có nghĩa là nếu dự án chỉ có tỷ lệ hoàn vốn  $IRR = r$  thì các khoản thu nhập từ dự án chỉ đủ hoàn trả phần gốc và lãi đã đầu tư ban đầu vào dự án. Nó chính là mức lãi suất tiền vay cao nhất mà nhà đầu tư có thể chấp nhận mà không bị thua thiệt nếu toàn bộ số tiền đầu tư cho dự án là vốn vay và nợ vay (cả gốc và lãi cộng dồn) được trả bằng nguồn tiền thu được từ dự án mỗi khi chúng phát sinh.

Và cũng như chỉ tiêu NPV, chỉ tiêu IRR cũng được xác định cho hai tình huống đầu tư

- Nếu 2 dự án độc lập nhau thì dự án có  $IRR > r$  sẽ được lựa chọn.
- Nếu 2 dự án loại trừ nhau ta chọn dự án có  $IRR > r$  và lớn nhất.

Ưu điểm là tính bằng tỷ lệ phần trăm nên dễ dàng so sánh với chi

---

---

phí sử dụng vốn.

Nhược điểm là chỉ tiêu này chỉ phản ánh tỷ lệ hoàn vốn nội bộ của dự án là bao nhiêu chứ không cung cấp quy mô của số lãi (hay lỗ) của dự án tính bằng tiền. Khi dự án được lập trong nhiều năm, việc tính toán chỉ tiêu là rất phức tạp. Đặc biệt loại dự án có các luồng tiền dòng vào ra xen kẽ năm này qua năm khác, kết quả tính toán có thể cho nhiều IRR khác nhau gây khó khăn cho việc ra quyết định. Do đó, IRR là chỉ tiêu kết hợp, bổ trợ cho chỉ tiêu NPV

Lưu ý: Trong trường hợp có sự xung đột giữa 2 phương pháp NPV và IRR thì việc lựa chọn dự án theo NPV cần được coi trọng hơn để đạt mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của dự án .

### ✓ **Chỉ tiêu Thời gian hoàn vốn (PP)**

Thời gian hoàn vốn của một dự án là một trong các chỉ tiêu thường được sử dụng để đánh giá giá trị kinh tế của dự án đầu tư. Thời gian hoàn vốn của một dự án đầu tư là độ dài thời gian để thu hồi toàn bộ khoản đầu tư ban đầu. Cho nên, thời gian thu hồi vốn của một dự án càng ngắn càng tốt để tránh được những biến động, rủi ro bất định.

Công thức tính

$$\text{Thời gian thu hồi vốn} = \frac{\text{Tổng vốn đầu tư}}{\text{Dòng thu bình quân hàng năm}} = (\text{năm})$$

Ưu điểm là đơn giản, dễ nhìn thấy và hữu ích đối với các dự án có mức độ rủi ro cao, cần thu hồi vốn nhanh.

Tuy nhiên nó cũng có nhược điểm là không tính đến giá trị thời gian của tiền và qui mô của dự án.

### ✓ **Chỉ số khả năng sinh lợi (PI)**

Chỉ tiêu này còn được gọi là tỷ số lợi ích - chi phí, là tỷ lệ giữa giá trị hiện tại của các luồng tiền dự án mang lại và giá trị của đầu tư ban đầu. Chỉ

---

---

tiêu này phản ánh 1 đơn vị đầu tư sẽ mang lại bao nhiêu đơn vị giá trị. Nếu PI lớn hơn 1 có nghĩa là, dự án mang lại giá trị cao hơn chi phí và khi đó có thể chấp nhận được.

Công thức xác định như sau: 
$$PI = \frac{PV}{P}$$

Trong đó: PV là thu nhập ròng hiện tại.

P là vốn đầu tư ban đầu.

Với  $PV = NPV + P$

Theo tiêu chuẩn PI thì mỗi phương án đầu tư đem ra xem xét cần phải tính chỉ số PI. Phương án được chọn là phương án có  $PI > 1$  nếu là phương án độc lập. Còn nếu là phương án loại bỏ thì còn phải chọn thêm PI lớn nhất.

#### **1.2.4. Thẩm định khả năng trả nợ của dự án**

Khả năng trả nợ của dự án được đánh giá trên cơ sở nguồn thu và nợ (nợ gốc và lãi) phải trả hàng năm của dự án. Việc xem xét này được thể hiện thông qua bảng cân đối thu chi và tỷ số khả năng trả nợ của dự án.

Tỷ số khả năng trả nợ của dự án = 
$$\frac{\text{Nguồn trả nợ hàng năm của dự án}}{\text{Nợ phải trả hàng năm (gốc và lãi)}}$$

Tỷ số khả năng trả nợ của dự án được so sánh với mức quy định chuẩn. Mức này được xác định theo từng ngành nghề. Dự án được đánh giá có khả năng trả nợ khi tỷ số khả năng trả nợ của dự án phải đạt được mức quy định chuẩn.

Ngoài ra, khả năng trả nợ của dự án còn được đánh giá thông qua việc xem xét sản lượng và doanh thu tại điểm hoà vốn trả nợ.

Khả năng trả nợ của dự án đóng vai trò quan trọng trong việc đánh giá độ an toàn về mặt tài chính của dự án đồng thời cũng là chỉ tiêu được Ngân hàng đặc biệt quan tâm và coi là một trong các tiêu chuẩn để chấp nhận cung cấp tín dụng cho dự án hay không.

---

---

### 1.2.5. Thẩm định độ nhạy của dự án

Thẩm định độ nhạy của dự án là xem xét sự thay đổi các chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án (lợi nhuận, NPV, IRR..) khi các yếu tố có liên quan đến chỉ tiêu đó thay đổi. Khi tính độ nhạy của dự án người ta thường cho các yếu tố đầu vào biến đổi 1% để xem để xem NPV, IRR thay đổi bao nhiêu %, và quan trọng hơn cả là phải xác định được xu thế và mức độ thay đổi của các yếu tố ảnh hưởng. Phương pháp này bao gồm các bước

Xác định các yếu tố dễ bị thay đổi do ảnh hưởng của các nhân tố bên ngoài (giá cả sản phẩm, sản lượng, chi phí, tỷ giá).

Đo lường % thay đổi của chỉ tiêu hiệu quả tài chính do sự thay đổi của các yếu tố.

Tính độ nhạy của dự án theo công thức

$$= \frac{\% \text{ thay đổi của chỉ tiêu hiệu quả tài chính của dự án}}{\% \text{ thay đổi của các yếu tố đầu vào gây ra sự thay đổi đó}}$$

Chỉ số nhạy cảm thường mang dấu âm, trị tuyệt đối của chỉ số càng lớn thì độ rủi ro càng lớn, do các yếu tố đầu vào quá biến động ảnh hưởng tới kết quả tài chính của dự án.

Phân tích độ nhạy giúp cho chủ đầu tư và nhà cung cấp tín dụng khoan được hành lang an toàn cho hoạt động của dự án.

Ngoài ra, để đánh giá độ an toàn về mặt tài chính của dự án thì việc đánh giá kết quả của dự án trong các trường hợp tốt nhất, xấu nhất và so sánh các trường hợp dự tính cũng rất cần thiết. Mỗi tình huống đều gắn với một xác suất có thể xảy ra. Hay chỉ tiêu này còn gọi là **Phân tích tình huống**.

Tóm lại: Mỗi chỉ tiêu phản ánh chất lượng thẩm định tài chính dự án đều có những ưu nhược điểm nhất định. Vậy để có thể đưa ra được một kết quả thẩm định chính xác và hiệu quả thì cần kết hợp tất cả các chỉ tiêu

---

---

trên vì chúng bổ sung hỗ trợ cho nhau giúp người thẩm định đưa ra được kết luận khách quan và chính xác nhất.

Chất lượng thẩm định tài chính dự án bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố khác nhau. Vì vậy, muốn nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án, Ngân hàng thương mại phải quan tâm đến các nhân tố này.

### **1.3. Chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM**

#### **1.3.1. Chất lượng thẩm định tài chính dự án**

Như chúng ta đã biết hoạt động chủ yếu của Ngân hàng thương mại là nhận tiền gửi và cho vay, trong đó cho vay là hoạt động tạo nên lợi nhuận chủ yếu cho ngân hàng. Vì vậy phương châm hoạt động an toàn hiệu quả luôn được các ngân hàng thương mại đặt lên hàng đầu. Đặc biệt là trong điều kiện hiện nay tình trạng nợ quá hạn, nợ khó đòi... đã trở thành vấn đề bức xúc không chỉ cho mỗi ngân hàng mà còn cho toàn xã hội.

Chất lượng thẩm định tài chính dự án được đánh giá thông qua việc tính toán và xác định nhiều loại chỉ tiêu khác nhau. Vì vậy, chất lượng thẩm định tài chính dự án muốn có được sự phản ánh trung thực, chính xác thì phải nghiên cứu rõ nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc sử dụng, ưu điểm, nhược điểm... của các chỉ tiêu.

Chất lượng là một khái niệm trừu tượng, không dễ dàng để có thể định lượng một cách chính xác. Do đó, chất lượng thẩm định tài chính dự án đầu tư cũng là một khái niệm trừu tượng, không thể định lượng, tùy từng đối tượng, và tùy từng giác độ khác nhau mà chất lượng thẩm định được đánh giá khác nhau.

Thẩm định dự án được coi là có chất lượng khi qua quá trình xem xét đánh giá, cũng như phân tích các dữ liệu dựa trên hồ sơ của chủ dự án trình lên, Ngân hàng Thương mại có thể phát hiện ra được những điểm chưa phù hợp mà chủ đầu tư không phát hiện ra hay cố tình không phát hiện ra.

---

---

Từ đó, có thể thuyết phục chủ đầu tư có kế hoạch thay đổi dự án của mình cho phù hợp. Cùng với việc đưa ra quyết định hợp lý, chính xác, ngân hàng sẽ chỉ tài trợ cho những dự án khả thi và có khả năng đảm bảo an toàn vốn tài trợ của ngân hàng.

Chất lượng thẩm định dự án đầu tư là một trong những yếu tố có tính quyết định đối với chất lượng tín dụng. Vậy, để hoạt động thẩm định tài chính dự án đạt chất lượng cao thì cần phải chú ý đến những nhân tố ảnh hưởng

### **1.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của NHTM**

#### ***1.3.2.1. Nhân tố chủ quan***

Nhân tố chủ quan là những nhân tố nội tại bên trong chi phối, ảnh hưởng tới kết quả thẩm định tài chính dự án của ngân hàng. Nhân tố chủ quan bao gồm:

##### **✧ Nhân tố thông tin**

Để có những kết quả tính toán chính xác về hiệu quả dự án thì phải dựa trên những thông tin, số liệu đầy đủ, có chất lượng, chính xác về dự án trên nhiều mặt, nhiều góc độ khác nhau. Chất lượng và sự đầy đủ những thông tin này một phần phụ thuộc vào việc lập, thẩm định dự án của chủ đầu tư và cung cấp thông tin của các chủ thể liên quan khác, một phần phụ thuộc vào khả năng của ngân hàng trong việc tiếp cận, thu thập các nguồn thông tin phục vụ cho công tác thẩm định tài chính dự án. Bên cạnh đó, phương pháp thu thập, xử lý, lưu trữ và sử dụng thông tin của ngân hàng cũng rất quan trọng. Nó ảnh hưởng đến chất lượng thông tin và khả năng đảm bảo thông tin cho công tác thẩm định tài chính dự án.

Đối với nguồn thông tin đến từ phía doanh nghiệp gây nhiều khó khăn cho Ngân hàng trong công tác thẩm định. Bởi vì, bất kỳ một doanh nghiệp nào khi đến vay vốn ngân hàng đều phải có phương án hoạt động

---



---

sản xuất kinh doanh đã được soạn thảo kỹ. Doanh nghiệp muốn nhận được khoản vay của ngân hàng, không chỉ đòi hỏi dự án đạt hiệu quả cao, ít rủi ro tiềm ẩn mà doanh nghiệp còn cần phải có tiềm lực tài chính vững mạnh trong quá khứ và hiện tại. Điều đó nhiều khi đã ảnh hưởng đến sự trung thực của các số liệu trong các báo cáo tài chính và các thuyết minh giải trình dự án mà doanh nghiệp và dự án đưa ra. Không những vậy, một thực tế đang tồn tại là các doanh nghiệp thường có nhiều báo cáo tài chính để nộp cho các cơ quan khác nhau như báo cáo nộp cho cơ quan thuế khác với báo cáo nộp cho Ngân hàng. Tất cả những vấn đề đó đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng thẩm định tài chính của Ngân hàng. Mà nhất là trong điều kiện hiện nay, các Ngân hàng do khó khăn trong việc thu thập thông tin nên nguồn thông tin từ phía doanh nghiệp vẫn là chủ yếu.

Còn từ phía ngân hàng, ngân hàng thẩm định dự án bao gồm 2 giai đoạn: Thu thập các tài liệu, thông tin cần thiết cho phân tích, đánh giá doanh nghiệp, dự án; tiến hành sắp xếp thông tin theo các nội dung thẩm định. Hai công đoạn này có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tác động qua lại. Và hiện nay, trên thực tế mọi nguồn thông tin ngân hàng có được chủ yếu dựa vào các tài liệu mà người vay gửi đến hoặc là nguồn thông tin đại chúng cho nên thường xuyên đem lại kết quả, thông tin không cân xứng phiên diện, không đảm bảo độ tin cậy.

Ngoài ra, trong điều kiện nền kinh tế nước ta còn chưa phát triển, mạng lưới phương tiện, trang thiết bị thu thập thông tin, phòng ngừa rủi ro để trợ giúp cho các ngân hàng còn thiếu nhiều và rất lạc hậu so với trên thế giới, thêm vào đó, sự sửa đổi, bổ sung các loại thông tin này hầu như chưa được cập nhật liên tục, điều đó có ảnh hưởng lớn tới chất lượng thông tin cũng như chất lượng dự án.

Tóm lại, có thể nói rằng, nếu không có thông tin đầy đủ, chính xác thì việc thẩm định tài chính dự án không thể thực hiện được hoặc nếu có thì chất lượng thẩm định sẽ thấp, những đánh giá chỉ là chủ quan, cảm tính,

---

---

không phản ánh một cách khách quan, toàn diện bản chất của một dự án. Do đó, các ngân hàng cần quan tâm đến việc thu thập thông tin một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác để phục vụ cho thẩm định tài chính dự án. Thiết lập được một hệ thống cung cấp thông tin tốt sẽ trợ giúp cho ngân hàng rất nhiều trong việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án nhất là trong thời đại bùng nổ thông tin ngày nay.

Và vấn đề thông tin lại có liên quan chặt chẽ tới tiêu chuẩn thẩm định. Do đó tiêu chuẩn thẩm định cũng là một nhân tố có ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định.

✧ Nhân tố tiêu chuẩn thẩm định

Trên cơ sở nguồn thông tin có được về dự án, việc lựa chọn tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả tài chính của dự án là điều rất quan trọng.

Đặc biệt, việc tính đến giá trị thời gian của tiền trong các tiêu chuẩn thẩm định là không thể thiếu được. Bởi vì, trong nhiều dự án, nếu không tính đến giá trị thời gian của tiền thì dự án khả thi có hiệu quả nhưng nếu tính đến giá trị thời gian của tiền thì dự án không có hiệu quả về mặt tài chính. Bên cạnh đó, việc dự tính một tỷ lệ chiết khấu hợp lý cũng ảnh hưởng quan trọng tới các kết quả thẩm định tài chính.

Ngoài ra, việc lựa chọn các chỉ tiêu phân tích tài chính phù hợp với điều kiện của từng dự án cũng rất quan trọng. Nếu lựa chọn được các chỉ tiêu vừa đảm bảo tính chính xác, kết hợp được mặt mạnh của các chỉ tiêu vừa phù hợp với tình hình thực tế của mỗi quốc gia, khu vực, mỗi dự án cũng như điều kiện cụ thể của ngân hàng thì chất lượng thẩm định tài chính dự án sẽ cao hơn.

Tuy nhiên, tất cả mọi khoa học công nghệ dù hiện đại, tiên tiến đến đâu thì cũng đều do con người phát minh, chế tạo ra. Con người là khởi nguồn của mọi vấn đề, vì thế khi nhắc đến thông tin và tiêu chuẩn thẩm

---

định là nhân tố ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định thì không thể quên nhân tố con người.

✧ Nhân tố con người

Con người là nhân tố có ảnh hưởng nhất tới quyết định chất lượng thẩm định tài chính dự án. Bởi lẽ con người là chủ thể trực tiếp tổ chức và thực hiện hoạt động tài chính theo các phương pháp kỹ thuật của mình. Và xoay quanh vấn đề con người thì có rất nhiều như kiến thức chuyên môn, năng lực thẩm định, phẩm chất đạo đức của cán bộ thẩm định.

Ngân hàng với tư cách là người cho vay, đồng thời là người phân tích tín dụng nên sẽ phải chịu trách nhiệm chính về chất lượng các khoản tín dụng. Tuy nhiên không một ngân hàng nào mong muốn đương đầu với các khoản nợ quá hạn, nợ khó đòi, vì vậy ngân hàng phải tổ chức công tác thẩm định một cách chính xác, chặt chẽ. Điều đó có nghĩa là ngân hàng phải có đội ngũ cán bộ thẩm định có kiến thức sâu rộng về nghiệp vụ, am hiểu lĩnh vực cho vay, đầu tư, và các vấn đề liên quan đến dự án, đến hoạt động của doanh nghiệp.

Vấn đề tiếp theo ảnh hưởng tới chất lượng thẩm định là vấn đề tổ chức, điều hành.

✧ Nhân tố tổ chức, điều hành

Công tác thẩm định tài chính dự án được tổ chức một cách khoa học chặt chẽ sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp, liên kết được các cá nhân, bộ phận trong toàn ngân hàng, sử dụng hợp lý có hiệu quả trang thiết bị. Việc sắp xếp, phân bổ chức năng, nhiệm vụ cho mỗi cá nhân, loại bỏ được các rủi ro đạo đức và rút ngắn thời gian thẩm định. Nhân tố này ảnh hưởng gián tiếp tới chất lượng thẩm định.

Như vậy, tổ chức thẩm định dự án khoa học sẽ góp phần khai thác tối đa mọi nguồn lực của ngân hàng, từ đó nâng cao rất nhiều chất lượng thẩm định tài chính dự án.

---

---

✧ Nhân tố trang thiết bị, kỹ thuật

Các thiết bị hiện đại ngày nay đã hỗ trợ rất nhiều cho công tác thẩm định tài chính dự án. Sự phát triển của máy tính hiện đại và việc ứng dụng các phần mềm chuyên dụng giúp ngân hàng thu thập được thông tin và tính toán các chỉ tiêu nhanh chóng, chính xác hơn, từ đó, rút ngắn được thời gian thẩm định tài chính dự án. Đồng thời chất lượng thẩm định tài chính dự án ngày càng được nâng cao hơn.

Ngoài các nhân tố trên, một số yếu tố khác của ngân hàng như chiến lược, định hướng hoạt động, cơ chế chính sách, năng lực quản lý của ban lãnh đạo... cũng ảnh hưởng lớn đến chất lượng thẩm định tài chính dự án.

### ***1.3.2.2. Nhân tố khách quan***

Nhân tố khách quan là những nhân tố từ môi trường bên ngoài tác động đến chất lượng thẩm định tài chính dự án.

Nhân tố khách quan bao gồm những áp lực về chính trị, quyền lực, cơ chế chính sách, luật pháp của Nhà nước gây khó khăn cho hoạt động xã hội nói chung và hoạt động thẩm định tài chính dự án nói riêng. Ngoài ra, các yếu tố về môi trường kinh tế xã hội, về thị trường luôn biến động phức tạp, khó lường, các rủi ro thiên tai ngân hàng không thể dự đoán trước được mà vẫn quyết định cho vay. Tất cả những lý do trên sẽ ảnh hưởng tới dự án, mà nghiêm trọng hơn là nó tạo ra các khoản vay quá hạn, khó đòi thậm chí không thu hồi được.

Nói tóm lại, để công tác thẩm định đạt được mục tiêu nó phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố tác động. Đó là những yếu tố thuộc về bản thân ngân hàng, thuộc về phía doanh nghiệp, phía Nhà nước và các cơ quan hữu quan, chính quyền địa phương, các ngành các cấp.

---

## Chương II

### **thực trạng chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

#### **2.1. Khái quát về Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

##### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển**

Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam là doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ liên quan đến hoạt động tài chính, tiền tệ, ngân hàng.

Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam được thành lập theo Nghị định số 115-CP ngày 30/ 12/ 1962 của Hội đồng Chính phủ và chính thức thành lập ngày 1/ 4/ 1963 mà tiền thân là cục quản lý ngoại hối của Ngân hàng TƯ( nay là NHNN).

Trải qua 40 năm xây dựng và trưởng thành, đặc biệt là từ khi tham gia cơ chế thị trường, ngân hàng đã đạt được những kết quả to lớn trong hoạt động kinh doanh và đóng góp tích cực vào quá trình tăng trưởng kinh tế của đất nước.

Từ khi thành lập đến nay, Ngân Hàng Ngoại Thương là ngân hàng thương mại phục vụ đối ngoại lâu đời nhất ở Việt Nam, và là ngân hàng có uy tín nhất Việt Nam trong các lĩnh vực tài trợ, thanh toán xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại hối, bảo lãnh ngân hàng, các dịch vụ tài chính, ngân hàng quốc tế, kể cả nghiệp vụ thẻ tín dụng Visa, MasterCard. Ngân Hàng Ngoại Thương liên tục giữ vai trò chủ lực trong hệ thống Ngân hàng Việt Nam, và còn là thành viên Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam, thành viên hiệp hội Ngân hàng Châu á.

---

### **2.1.2. Tình hình hoạt động của ngân hàng trong thời gian gần đây**

Kết thúc năm 2002, nền kinh tế Việt Nam đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Tốc độ tăng trưởng GDP đứng hàng thứ 2 trong khu vực (7%), công nghiệp, nông nghiệp, và một số hoạt động dịch vụ tăng khá hơn năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng đạt 4%, xuất khẩu tăng 9,8% cho thấy sức mua trong nước tăng đồng thời mở thêm được thị trường nước ngoài. Năm 2002 là năm hàng loạt các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng lớn được triển khai. Tuy nhiên, sự yếu kém của các nền kinh tế lớn cùng với sự bất ổn về chính trị đã làm xói mòn lòng tin của giới kinh doanh và người tiêu dùng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến môi trường thương mại, đầu tư, đến diễn biến của thị trường tiền tệ thế giới. Bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và trong nước đã gây những tác động ngược chiều đến kết quả kinh doanh của Ngân Hàng Ngoại Thương.

Nhìn chung, hiệu quả kinh doanh năm 2002 của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam thấp hơn năm 2001.

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA) năm 2002 đạt 0,28%, giảm 5,29% so với năm 2001. ROA giảm là do tổng tài sản bình quân tăng 11,03% trong khi lợi nhuận chỉ tăng 5,16%.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2002 đạt 7,34% giảm 29,45% so với năm trước. ROE giảm mạnh do vốn chủ sở hữu bình quân tăng 49%.

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu đạt 6% nghĩa là cứ 100 đồng thu nhập thì có 6 đồng lợi nhuận sau khi trừ toàn bộ chi phí và thuế thu nhập doanh nghiệp. Chỉ tiêu này giảm 36% so với năm 2001.

Doanh thu trên tổng tài sản đạt 5% nghĩa là cứ 100 đồng tài sản tạo ra 5 đồng doanh thu. Chỉ tiêu này giảm 36% so với năm 2001.

Tuy nhiên, năm 2002 cũng là năm Ngân Hàng Ngoại Thương đạt được rất nhiều kết quả đáng khích lệ. Các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán của Ngân Hàng Ngoại Thương đều có sự tăng trưởng đáng kể, năm sau cao hơn năm trước.

Tổng tài sản của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam năm 2002 là 81.324.882 triệu đồng, tăng 6,06% so với năm 2001.

Lợi nhuận trước thuế của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam năm 2002 ước đạt 328.951 triệu đồng, tăng 5,16% so với năm 2001.

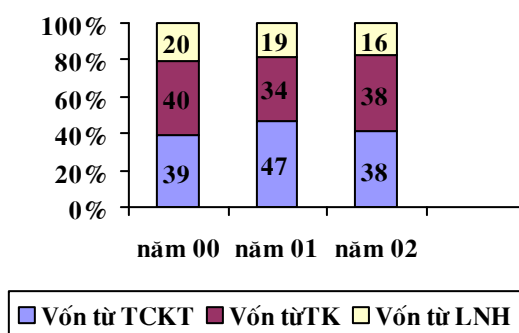
Bảng: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của NHNT Việt Nam

*Đơn vị: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002
Tổng tài sản	65.633.108	76.681.630	81.324.882
Lợi nhuận trước thuế	212.385	312.817	328.951
Lợi nhuận sau thuế	210.456	212.716	223.687
Tiền gửi của khách hàng	43.748.348	58.554.283	59.792.049
Cho vay khách hàng	15.638.580	16.504.803	29.325.068

(Nguồn: Tài liệu hội nghị giám đốc năm 2003 của NHNT Việt Nam)

### ✓ Hoạt động huy động vốn



---

Tính đến 31/12/2002 tổng nguồn vốn huy động của Ngân Hàng Ngoại Thương đạt mức 72700 tỷ, tăng 0,2%; Cơ cấu nguồn vốn thay đổi theo xu hướng tăng tỷ trọng nguồn vốn huy động từ dân cư từ 34% năm 2001 lên 38% năm 2002, giảm tỷ trọng nguồn vốn huy động từ LNH xuống còn 16% so với 19% của năm 2001. Như vậy, tính ổn định của nguồn vốn đã thay đổi theo hướng thuận, song giá vốn đầu vào cũng tăng lên.

Tốc độ tăng trưởng huy động vốn ngoại tệ và vốn VND ở hai trạng thái trái ngược nhau. Huy động vốn VND từ nền kinh tế tăng 28%, vốn ngoại tệ giảm 6%. Cụ thể như sau:

- Vốn ngoại tệ đạt mức tăng trưởng thấp nhất từ trước đến nay

Những khó khăn trong công tác huy động vốn ngoại tệ bắt đầu từ năm 2001 tiếp tục ảnh hưởng mạnh mẽ trong năm 2002. Vốn ngoại tệ đạt mức \$3507 triệu, giảm 233 triệu so với năm 2001. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong giai đoạn qua (năm 2001 vốn ngoại tệ tăng 419 triệu, năm 2000 tăng 977 triệu).

- Vốn VND tăng trưởng mạnh, đặc biệt vốn huy động từ khu vực dân cư

Nằm trong chiến lược điều chỉnh cơ cấu vốn theo chương trình tái cơ cấu, cũng để phù hợp với sự mở rộng tín dụng, vốn VND năm nay có những bước tiến mạnh mẽ. Ngược với tình hình của vốn ngoại tệ, tổng nguồn vốn VND đạt 27.265 tỷ đồng, tăng 6800 tỷ  $\approx$  33,2% so với đầu năm, gần gấp đôi mức tăng các năm trước (năm 2000-2001 tăng 3800 tỷ/năm).

Tăng trưởng vốn VND năm 2002 là kết quả tích cực của sự chuyển biến của Ngân Hàng Ngoại Thương qua 3 năm thực hiện chương trình tái cơ cấu, thể hiện trên một số khía cạnh sau: đa dạng hoá sản phẩm, tận dụng ưu thế về công nghệ; giữa các phòng, ban đã có sự phối hợp tích cực để đưa ra giải pháp sản phẩm tổng thể cho nhiều khách hàng lớn; mở rộng mạng lưới, nhất là hệ thống các phòng Giao dịch, ATM trên nền tảng công

---



---

nghệ hiện đại; nhiều chi nhánh đã chú trọng hơn đến phát triển hoạt động bán lẻ.

- Nguồn vốn trung và dài hạn tăng khá nhưng khoảng cách so với sử dụng vốn trung dài hạn ngày càng lớn.

Một trong những nét đáng chú ý trong công tác huy động vốn trong năm qua là vốn huy động trung, dài hạn đạt mức 17.776 tỷ qui đồng, tăng 22381 tỷ (+15%). Trong khi đó, sử dụng vốn trung dài hạn đạt mức 10.409 tỷ qui đồng, tăng với tốc độ lớn 5.775 tỷ qui đồng (+125%), cao hơn 8 lần so với tốc độ tăng huy động vốn trung dài hạn.

### ✓ **Hoạt động cho vay**

Cho vay là hoạt động chính của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, chiếm tới 70% tổng lợi nhuận của ngân hàng. Năm 2002 - năm thực hiện thành công chủ trương của Ban lãnh đạo: "năm bút phá tín dụng". Hoạt động tín dụng của Ngân Hàng Ngoại Thương đã đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ.

- Tổng doanh số cho vay năm 2002 đạt 71.116 tỷ VNĐ tăng hơn 60% và tổng doanh số thu nợ đạt 60.338 tỷ VNĐ tăng 39% so với năm 2001. Tính đến 31/12/2002, tổng dư nợ tín dụng chung trong toàn hệ thống đạt 27.404 tỷ VNĐ, tăng 10.778 tỷ VND (64,8%), trong đó dư nợ vay hiện hành đạt 26.610 tỷ VNĐ, tăng 11.943 tỷ VND (81,4%) so với cùng kỳ năm ngoái.

- Cuối tháng 6/ 2002, trên cơ sở mức tăng trưởng dư nợ tín dụng thực tế vượt so với kế hoạch đề ra từ đầu năm (tháng 6: 36,7%; kế hoạch: 33,5%) và dự báo dư nợ tín dụng có khả năng tiếp tục tăng với tốc độ lớn hơn trong các tháng cuối năm, Hội đồng quản trị đã quyết định điều chỉnh kế hoạch tăng trưởng tín dụng cho năm 2002 lên mức 51,4%. Mặc dù vậy, như các số liệu đã nêu ở trên, dư nợ tín dụng thực tế vẫn vượt với khoảng cách khá lớn so với kế hoạch đề ra.

---

- Các khoản vay, đầu tư lớn góp phần tăng trưởng dư nợ tín dụng cao trong năm 2002 là: Giải ngân các HĐTD đã kí trong các năm trước để đầu tư các dự án trọng điểm của Nhà Nước 2.002 tỷ VND, thu mua gạo để xuất khẩu sang Indonexia, Irắc 1.600 tỷ, cho vay để thực hiện chương trình dự trữ xăng dầu Quốc gia 400 tỷ, thủy sản 800 tỷ, sắt thép 300 tỷ...

Có thể nói, hoạt động tín dụng năm 2002 đạt được khá nhiều thành tích, tốc độ tăng trưởng tín dụng cao. Đồng thời, tỷ trọng của dư nợ cho vay dài hạn cũng tăng. Tổng dư nợ cho vay trung dài hạn đạt 10.556 tỷ VNĐ tăng 6.024 tỷ (132%) so với năm 2001 và chiếm tỷ trọng 40% (năm 2001 là 30%).

Tuy nhiên, trong số tổng dư nợ cho vay trung dài hạn thì có đến 25% (khoảng 2.600 tỷ VND) là dư nợ cho vay có thời hạn trên 10 năm. trong khi đó, nguồn vốn huy động của Ngân Hàng Ngoại Thương có thời hạn dài nhất là 5 năm. Chính vì vậy, việc cho vay tiếp các dự án lớn với thời hạn vay dài trong thời gian tới cần được tính toán kĩ lưỡng và kế hoạch hoá nhằm tránh rủi ro thanh khoản.

Đặc biệt, năm 2002 Ngân Hàng Ngoại Thương đã thực hiện nhiều các dự án trọng điểm của Nhà nước. Ngân Hàng Ngoại Thương vẫn tiếp tục giữ vững vai trò là một trong các ngân hàng có thế mạnh về vốn và khả năng thu xếp. Ngân Hàng Ngoại Thương đã rất tích cực tham gia, cam kết cho vay các dự án trọng điểm của Nhà nước với tổng giá trị lên gần 600 triệu USD như dự án Điện Cà Mau \$190 triệu, Nhà máy lọc dầu Dung Quất \$250 triệu, Thủy điện Se San 3\$ 15 triệu, Xi măng Hải Phòng \$15 triệu ...

Năm 2002 đồng thời cũng là năm Ngân Hàng Ngoại Thương thực hiện giải ngân lớn nhất đối với các dự án trọng điểm với giá trị hơn 2.200 tỷ qui VND, đóng góp quan trọng đến tốc độ tăng trưởng tín dụng chung của toàn hệ thống (chiếm gần 1/5 tổng giá trị dư nợ gia tăng trong năm). Các khoản giải ngân lớn là dự án Khí nam Côn Sơn \$75 triệu, dự án Đạm Phú Mỹ \$32 triệu...

---

---

Ngân Hàng Ngoại Thương tham gia các dự án trọng điểm của Nhà nước có ý nghĩa rất quan trọng. Nó góp phần thực hiện sự nghiệp CNH - HĐH đất nước; ổn định dư nợ lâu dài, giúp Ngân Hàng Ngoại Thương có điều kiện dành nguồn lực để nâng cao chất lượng tín dụng; đảm bảo an toàn vì phần lớn được Bộ tài chính bảo lãnh.

Tuy nhiên, do giá trị các khoản vay này thường lớn, thời hạn vay dài và chủ yếu bằng ngoại tệ vì vậy vấn đề quản trị rủi ro thanh khoản và rủi ro tỷ giá cần được quan tâm.

### ✓ Các hoạt động khác

Trong các Ngân hàng hiện đại ngày nay, hoạt động dịch vụ đóng vai trò ngày một quan trọng. Nhận thức được điều này Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam đã cung cấp nhiều sản phẩm ngân hàng mới ngày càng đa dạng về chủng loại và ưu việt về chất lượng, tận dụng ưu thế về công nghệ. Các phòng, ban đã có sự phối hợp tích cực để đưa ra giải pháp sản phẩm tổng thể cho nhiều khách hàng lớn: Bảo Việt, Hàng không, một số công ty Bảo Hiểm nhân thọ nước ngoài, qua đó đã thiết lập được quan hệ với một số khách hàng mới: PJICO, Prudential.

Mặc dù còn một số hạn chế tồn tại, nhưng nhìn chung hoạt động của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam trong thời gian qua đã đạt nhiều thành tựu to lớn. Với mục tiêu đến năm 2005, phấn đấu đưa Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam đạt trình độ Trung bình tiến tiến ở khu vực trên cả 2 phương diện: quy mô và chất lượng, Ngân hàng cần phải phát huy những kết quả đạt được, khắc phục các hạn chế tồn tại nhất là trong lĩnh vực đầu tư trung và dài hạn.

## **2.2. Thực trạng thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

### **2.2.1. Thực trạng thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

---

---

### ***2.2.1.1. Những căn cứ để tiến hành công tác thẩm định***

Khi tiến hành bất cứ một hoạt động nào thì điều quan trọng là phải xác định được cơ sở để tiến hành hoạt động đó là gì? đối với hoạt động thẩm định của ngân hàng cũng vậy, khi thẩm định cán bộ thẩm định thường phân tích dựa trên những căn cứ từ hồ sơ xin vay mà chủ dự án gửi lên ngân hàng, hồ sơ xin vay bao gồm

- Luận chứng kinh tế kỹ thuật
- Các báo cáo tài chính
- Các tài liệu khác có liên quan

Dựa vào thông tin từ nguồn trên cộng với những thông tin mà ngân hàng khai thác được, cán bộ thẩm định tiến hành kiểm tra toàn bộ các thông tin mà chủ đầu tư cung cấp (bao gồm các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, thông tin về dự án, các yếu tố đảm bảo tiền vay) xem có hợp lý và đáng tin cậy hay không?

### ***2.2.1.2. Tổ chức thẩm định dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương***

Dự án được chủ đầu tư gửi đến Ngân hàng thông qua phòng Đầu tư dự án. Theo văn bản hướng dẫn của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam về quy chế cho vay đối với khách hàng, việc tiếp nhận hồ sơ xin vay, quyết định cho vay, và thanh lý hợp đồng tín dụng được chia làm hai khâu

- Kiểm tra, thẩm định, theo dõi và thu hồi vốn.
- Xét duyệt và ra quyết định cho vay.

Ngân Hàng Ngoại Thương quy định quy trình xét duyệt cho vay theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập và phân định rõ ràng trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm các bên liên đới giữa khâu thẩm định và khâu quyết định cho vay. Cụ thể, bộ phận trực tiếp cho vay sẽ kiểm tra toàn bộ những tài liệu mà khách hàng gửi đến, thẩm định tính khả thi, hiệu quả của dự án (chủ yếu về hiệu quả kinh tế), khả năng trả nợ của khách hàng, mức độ đảm bảo

---

---

tiền vay và các yếu tố khác có liên quan. Từ đó đề xuất ý kiến của mình về quyết định tài trợ, sau khi được phê duyệt, ra quyết định bởi cấp có thẩm quyền, nếu đủ điều kiện tài trợ thì tiến hành giải ngân, theo dõi quá trình hoạt động của khách hàng và công việc cuối cùng là thu nợ.

Chức năng ra quyết định tài trợ được tách riêng ra khỏi bộ phận thẩm định, việc thông qua quyết định đó thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc hoặc Giám đốc ra quyết định tài trợ - cấp quyết định tài trợ. Trong các trường hợp cần thiết hoặc pháp luật có quyết định, cấp quyết định có thể thuê cơ quan tư vấn liên quan hoặc có thể chỉ định một hoặc một số cán bộ có kinh nghiệm (được gọi là bộ phận tái thẩm định) để tiến hành thẩm định lại dự án, hoặc thông qua Hội đồng tín dụng trước khi quyết định cho vay.

Trong các khâu kiểm tra, thẩm định, theo dõi và thu hồi nợ, khâu thẩm định là quan trọng nhất có tính quyết định tới chất lượng của khoản cho vay của ngân hàng. Và kết quả của thẩm định phải độc lập với tất cả những ý muốn chủ quan cho dù đến từ bất kỳ phía nào.

Khi có một dự án bất kỳ có thể gửi đến chi nhánh hoặc gửi trực tiếp lên phòng Đầu tư dự án tại trung ương để thẩm định. Sau khi nhận được dự án, cán bộ thẩm định tiến hành các công việc:

Điều tra thực tế: Cán bộ tiếp xúc trực tiếp với khách hàng xin vay để yêu cầu thêm thông tin cần thiết chưa được trình bày một cách đầy đủ trong hồ sơ xin vay.

Kiểm tra tính hợp lệ của các hồ sơ về khách hàng, dự án vay vốn và các biện pháp đảm bảo tiền vay.

Trên cơ sở những thông tin thu thập được, cán bộ thẩm định tiến hành phân tích, tổng hợp và đưa ra kết luận của mình về dự án thông qua Báo cáo thẩm định. Trong bản Báo cáo thẩm định đó cán bộ thẩm định dự án ghi rõ kết luận kiến nghị có tài trợ hay không, tiếp theo Báo cáo thẩm định được trưởng hay phó phòng Đầu tư dự án thông qua, nếu dự án được

---

---

chấp nhận tài trợ thì nó sẽ được trình lên Giám đốc chi nhánh hay Tổng giám đốc phê duyệt.

### ***2.2.1.3. Nội dung thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam***

Dựa trên hồ sơ mà chủ đầu tư trình lên, Ngân Hàng Ngoại Thương tiến hành thẩm định dự án những nội dung sau

- Thẩm định tính pháp lý của dự án: nghĩa là thẩm định tính pháp lý của bộ hồ sơ xin vay.

- Thẩm định về mặt kỹ thuật, thực hiện dự án: nghĩa là đưa ra đánh giá chung, đánh giá tên dự án, đánh giá tổng chi phí đầu tư và nguồn vốn, tổ chức xây dựng dự án, thẩm định khả năng cung cấp đầu vào của sản xuất và cuối cùng là thẩm định thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Thẩm định kế hoạch sản xuất kinh doanh: nghĩa là xác định công suất thiết bị có thể đạt được trong thời gian vay nợ ngân hàng (công suất lý thuyết, công suất thiết kế, công suất khả dụng), xác định doanh thu theo công suất dự kiến, xác định chi phí đầu vào theo công suất có thể đạt được trong thời gian trả nợ.

- Thẩm định dự án về mặt tài chính

- Thẩm định các điều khoản bảo đảm tiền vay (các trường hợp bảo đảm tiền vay; tính pháp lý và trị giá tài sản thế chấp, cầm cố, bảo lãnh; phân tích khả năng kiểm soát và tính thanh khoản của tài sản)

- Kết luận của ngân hàng (thuận lợi; khó khăn khi đầu tư dự án rồi đưa ra kết luận tài trợ hay không tài trợ).

Tóm lại, qua quy trình thẩm định dự án ở trên cho thấy thẩm định tài chính là giai đoạn tổng hợp các chỉ tiêu tài chính và kỹ thuật từ việc phân tích thị trường, phân tích kỹ thuật và phân tích nguồn lực. Đây là khâu quan trọng và cốt yếu đối với chủ đầu tư và các nhà tài trợ vốn vì nó đóng góp

---

---

rất lớn vào sự thành công trong việc xác định được tính hiệu quả của dự án. Vì vậy, khi thẩm định tài chính dự án, ngân hàng thẩm định các yếu tố sau:

✧ Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn đầu tư bao gồm: Ngân hàng xem xét tổng vốn đầu tư của dự án đã được tính toán hợp lý chưa và có tính đủ các khoản cần thiết không.

✧ Nguồn vốn đầu tư

- Vốn tự có của chủ dự án: Đối với dự án mới Ngân Hàng Ngoại Thương chỉ xem xét cho vay đối với các dự án có mức vốn tự có tối thiểu bằng 30% tổng mức vốn đầu tư. Đối với cho vay theo chương trình tài trợ xuất khẩu bằng vốn vay của các ngân hàng nước ngoài thì vốn tự có phải lớn hơn 15%.

- Nguồn vốn vay: tổng số tiền vay, tỷ trọng vốn vay trong tổng dự toán đầu tư, các nguồn vốn vay.

- Các nguồn khác: vốn ngân sách, vốn góp liên doanh, phát hành trái khoán, bán cổ phần,...(ghi rõ số tiền, tỷ trọng trong tổng dự toán vốn đầu tư)

✧ Phân tích khả năng trả nợ

Mục tiêu đặt lên hàng đầu của ngân hàng là lợi nhuận, tuy nhiên phải dựa trên cơ sở đảm bảo an toàn về nguồn vốn cho ngân hàng. Vì vậy, đối với dự án vay vốn để đầu tư cần phải xem xét khả năng trả nợ. Khả năng trả nợ của dự án được đánh giá trên cơ sở nguồn thu và nợ (nợ gốc và lãi) phải trả hàng năm của dự án.

Nguồn trả nợ hàng năm của dự án gồm lợi nhuận (sau khi trừ thuế thu nhập), khấu hao cơ bản và lãi phải trả hàng năm.

✧ Đánh giá hiệu quả về mặt tài chính của dự án

- Ngân hàng thẩm định tính hợp lý của việc dự toán chi phí đầu tư ban đầu, chi phí vốn, khấu hao TSCĐ, mức công suất thiết kế, công

---

---

suất sử dụng, và doanh thu dự kiến hàng năm.

- Ngân hàng xem xét về khả năng cung cấp vật tư, nguyên liệu đầu vào sẽ giúp ngân hàng xác định được giá thành đơn vị sản phẩm, tổng chi phí trực tiếp.

- Từ những vấn đề trên, Ngân hàng sẽ đưa ra được các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của dự án như NPV, IRR, PP, PI, độ nhạy...

✧ Nhận xét những rủi ro có thể xảy ra đối với dự án

Phân tích các trường hợp rủi ro có thể xảy ra bằng cách đưa ra các giả thiết thay đổi sản lượng, đơn giá bán, tăng chi phí sản xuất,... để kiểm tra tính hiệu quả, khả thi, độ ổn định, và khả năng trả nợ của dự án. Cụ thể xem xét các trường hợp:

- Trường hợp sản lượng giảm 5%, 10% hoặc 15%,...(mức giảm nhiều hay ít tùy thuộc vào tính chất của dự án, khả năng tổ chức sản xuất, thị trường tiêu thụ ...) thì ngân hàng tính lại tổng doanh thu và tính lại các chi phí biến đổi để kiểm tra kinh doanh lỗ hay lãi, khả năng trả nợ, tính NPV, IRR của dự án khi có trường hợp rủi ro xảy ra.

- Trường hợp biến phí tăng 5%, 10%... do giá nguyên vật liệu, tiền công tăng nhưng sản lượng, doanh số tiêu thụ được giữ nguyên không thay đổi, kiểm tra tính hiệu quả và khả năng trả nợ của dự án, tính lại NPV, IRR.

- Trường hợp đơn giá bán giảm 5%, 10%,... nhưng giữ nguyên sản lượng tiêu thụ, giữ nguyên chi phí sản xuất, từ đó doanh số bán sẽ giảm do vậy, khả năng trả nợ sẽ thay đổi như thế nào, tính lại NPV, IRR.

✧ Ngân hàng đưa ra quyết định cuối cùng về dự án: Cho vay bao nhiêu, thời gian vay trả, mức trả từng kỳ hạn nợ và lên kế hoạch trả nợ.

Tóm lại, trên cơ sở các thông tin của chủ dự án gửi lên ngân hàng, cán bộ thẩm định kiểm tra tính hợp lý chính xác của các số liệu được cung cấp, từ đó xác định được chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính của dự án.

---



---

Dựa trên những chỉ tiêu đó cán bộ thẩm định nêu rõ ý kiến của mình về quyết định tài trợ cho vay dự án, nếu tài trợ thì tài trợ với mức vốn như thế nào, trong thời gian bao lâu, mức lãi suất cho vay ra sao.

## **2.2.2. Thẩm định tài chính dự án - Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất da và các sản phẩm giả da tại Minh Đức - Mỹ Hào - Hưng Yên**

### **2.2.2.1. Mô tả dự án**

- Tên dự án : Dự án đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất da và các sản phẩm giả da tại Minh Đức-Mỹ Hào-Hưng Yên
- Chủ dự án : Ông Trần Anh Tuấn
- Thiết bị máy móc: Thiết bị mua mới 100% từ các nước như Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.
- Địa điểm : Xã Minh Đức, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, cách Hà Nội 35 km, nằm cạnh đường 5.
- Tiến độ thực hiện : Dự án được triển khai vào đầu tháng 11/2002 và đi vào hoạt động vào cuối tháng 6/2003.
- Đầu tư của dự án : Tổng đầu tư của dự án cho cả 3 giai đoạn là 20 tỷ VND, trong đó giai đoạn 1 là 11,310 tỷ .
- Nhu cầu vốn vay:
  - ◆ Giá trị khoản vay:
    - Dài hạn: 5.000.000.000 đ (năm tỷ đồng), lãi suất 9%/năm. Thời gian ân hạn 10 tháng.
    - Ngắn hạn: 500.000.000 đ (năm trăm triệu đồng), lãi suất 8,16%/năm.
  - ◆ Thời gian vay: 6 năm.
  - ◆ Mục đích vay vốn:
    - Đầu tư xây dựng nhà xưởng, mua máy móc thiết bị
    - Bổ sung vốn lưu động.
  - ◆ Tài sản đảm bảo:

- Khu đất số 10109390121 với diện tích đất là 57,5 m<sup>2</sup> tại 16 Đường 4 khu A Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Đống Đa với diện tích sử dụng 114m<sup>2</sup>.
  - Công trình XD nhà xưởng và máy móc mới của dự án đầu tư XD nhà máy may tại Minh Đức, Mỹ hào, Hưng Yên.
    - ◆ Phương thức trả nợ : Trả lãi và gốc hàng quý
- Nhà máy sẽ hoạt động 25 ngày/tháng, 12 tháng/năm.
- Số công nhân sẽ là 250 người, làm việc một ca, 8 tiếng/ngày.

### 2.2.2.2. Nội dung thẩm định tài chính dự án tài trợ xây dựng nhà máy mới của Công ty TNHH Tuấn Lợi

Cán bộ thẩm định của Ngân Hàng Ngoại Thương tiến hành thẩm định các nội dung sau:

#### Tổng vốn đầu tư

Bảng 2.1. Thẩm định dòng tiền ra của dự án

Đơn vị: 1000đ

Chi phí của dự án	T1- 6/2003	Cơ cấu đầu tư (%)
Tổng chi phí tiền đất & san lấp mặt bằng	4.191.800	37,1%
Tổng chi phí xây dựng nhà xưởng	3.539.000	31%
Tổng chi phí thiết bị sản xuất	1.927.000	17%
Thiết bị vận tải	367.000	3%
Thiết bị văn phòng + cứu hoả	150.000	1.33%
<b>Tổng chi phí cố định</b>	<b>10.174.800</b>	
Chi phí tiền dự án	300.000	2.7%
Dư phòng	100.000	0.9%
Chi phí vốn lưu động	735.200	6.5%
<b>Tổng chi phí của dự án</b>	<b>11.310.000</b>	<b>100%</b>
<b>Tổng dòng tiền ra của dự án</b>	<b>11.310.000</b>	

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

## Về cơ cấu vốn, Công ty dự kiến thực hiện như sau

Bảng 2.2: Cơ cấu vốn của dự án

Cơ cấu vốn	Triệu đồng	Tỷ lệ
Vốn tự có	5.810	51%
Vốn vay	5.500	49%
Trong đó		
- Vốn vay dài hạn	5.000	
- Vốn vay ngắn hạn	500	
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>11.310</b>	<b>100%</b>

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

Trong giai đoạn 1 công ty đề xuất một khoản vay dài hạn là 5.000 triệu đồng trong thời gian 5 năm với lãi suất 0,75%/tháng, thời gian ân hạn 10 tháng. Số tiền này chủ yếu là để mua máy mới và trang trải cho một phần chi phí xây dựng nhà máy. Thời điểm giải ngân dự kiến được thực hiện từ tháng 4/2003. Và một khoản vay ngắn hạn 500 triệu đồng để mua nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh.

Trong các giai đoạn 2 và 3 số vốn đầu tư dự kiến sẽ lấy từ lợi nhuận trong kinh doanh và khấu hao, số còn thiếu sẽ vay ngân hàng.

Dự kiến mức doanh thu trung bình của dự án khoảng 7 tỷ đồng/năm với công suất sử dụng như sau:

Bảng 2.3: Công suất sử dụng

Năm	Công suất sử dụng
Năm thứ 1	60%
Năm thứ 2	70%
Năm thứ 3	80%
Năm thứ 4	90%
Năm thứ 5	100%
Từ năm thứ 6 trở đi	100%

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

Bảng 2.4: Tóm tắt dự kiến doanh thu

Đơn vị: đồng

Danh mục	7-2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
CS đạt được của dự án	60%	70%	80%	90%	100%	100%	100%
1-Ba lô xuất khẩu							
Số lượng	24,000	56,000	64,000	72,000	80,000	80,000	80,000
Đơn giá (1000đ/c)	48.96	48.96	48.96	48.96	48.96	48.96	48.96
Thành tiền	1,175,040	2,741,760	3,133,440	3,525,120	3,916,800	3,916,800	3,916,800
2-Túi đựng Barit loại 1 tấn							
Số lượng	50,400	58,800	67,200	75,600	84,000	84,000	84,000
Đơn giá (1000đ/c)	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0
Thành tiền	2,066,400	4,821,600	5,510,400	6,199,200	6,888,000	6,888,000	6,888,000
3-Cấp sách học sinh, cán bộ							
Số lượng	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000	5,000	5,000
Đơn giá (1000đ/c)	60	60	60	60	60	60	60
Thành tiền	90,000	210,000	240,000	270,000	300,000	300,000	300,000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3,331,440</b>	<b>7,773,360</b>	<b>8,883,840</b>	<b>9,994,320</b>	<b>11,104,800</b>	<b>11,104,800</b>	<b>11,104,800</b>

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

Bảng 2.5: Kết quả tài chính của dự án

Đơn vị: Triệu đồng

	07/2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
<b>Doanh thu</b>	3.331.440	7.773.360	8.883.840	9.994.320	11.104.800	11.104.800	11.104.800	11.104.800
<b>Lãi gộp</b>	1.257.534	3.502.261	4.292.411	4.962.411	5.787.941	5.749.297	5.636.532	5.688.416
<b>Lãi ròng</b>	252.062	1.841.588	2.405.637	2.841.756	3.573.701	3.617.289	3.371.269	3.146.756

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

Bảng 2.6: Kế hoạch trả nợ

Đơn vị: 1000 đ

Chỉ tiêu	Chú giải	T4/2003	2004	2005	2006	2007	T4/2008
<b>Vốn ngắn hạn (VLĐ)</b>		<b>500000</b>	<b>500000</b>	<b>500000</b>	<b>500000</b>	<b>500000</b>	<b>500000</b>
Tỷ lệ lãi suất năm		8,16%	8,16%	8,16%	8,16%	8,16%	8,16%
Thanh toán tiền lãi		30.600	40.800	40.800	40.800	40.800	40.800
Trả tiền gốc		500000	500000	500000	500000	500000	500000
<b>Dư nợ cuối năm</b>		-	-	-	-	-	-
<b>Vay dài hạn</b>							
<b>Khoản vay</b>		<b>5000000</b>					
Thời gian ân hạn	10 t						
Tỷ lệ lãi suất năm	9,0%	9,0%	9,0%	9,0%	9,0%	9,0%	9,0%
Thời hạn thanh toán	5 n						
Thanh toán tiền lãi		337.500	450.000	360.000	270.000	180.000	90.000
Trả tiền gốc		-	1000000	1000000	1000000	1000000	1000000
<b>Dư nợ cuối năm</b>		<b>5000000</b>	<b>4000000</b>	<b>3000000</b>	<b>2000000</b>	<b>1000000</b>	-
<b>Σ số tiền vay</b>		<b>5500000</b>					
<b>Σ thanh toán tiền lãi</b>		<b>368.100</b>	<b>490.800</b>	<b>400.800</b>	<b>310.800</b>	<b>220.800</b>	<b>130.800</b>
Σ thanh toán tiền gốc		-	1500000	1500000	1500000	1500000	1500000
Σ dư nợ cuối năm		5000000	4000000	3000000	2000000	1000000	-

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

### **Thẩm định các chỉ tiêu tài chính**

Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 9%) 2,123,564

Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 6%) 3,693,550

Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ IRR ( $r=9\%$ ) 14%

Thời gian hoàn vốn 5 năm 1 tháng 8 ngày

### **Kết luận của Phòng đầu tư dự án**

Trên cơ sở thẩm định cơ sở pháp lý, tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và bản nghiên cứu khả thi cho việc vay, đầu tư vào sxkd của Công ty

---

TNHH Tuấn Lợi, Phòng cho rằng việc cho vay đối với dự án nhà máy sản xuất da và các sản phẩm giả da có những điểm thuận lợi và khó khăn như sau:

#### Những thuận lợi

- Thị trường da giày đang mở rộng.
- Chủ doanh nghiệp có năng lực và kinh nghiệm nhiều năm trong ngành da giày.
  - Sản phẩm của nhà máy được xuất khẩu theo đơn đặt hàng có sẵn, sản phẩm tiêu thụ trong nước sẽ được bán thông qua các đại lý sẵn có của công ty Ladoda.
  - Địa điểm xây dựng nhà máy rất thuận tiện.

#### Những bất lợi

- Hiện đang phụ thuộc vào 2 khách hàng nhập khẩu duy nhất và dựa vào uy tín của công ty Ladoda.
  - Thâm nhập vào thị trường Mỹ khi đã có Hiệp định Thương Mại Việt - Mỹ.
  - Việt Nam gia nhập AFTA đây sẽ là cơ hội cho các nhà sản xuất trong nước có thể xuất khẩu ra nước ngoài nhiều hơn.
  - Mở rộng hơn nữa thị trường EU khi Việt Nam đàm phán thành công yêu cầu EU dỡ bỏ hạn ngạch nhập khẩu hàng da giày của Việt Nam vào thị trường EU.
  - Cạnh tranh từ các nước xuất khẩu lớn.
- Trên cơ sở những phân tích trên, Phòng cho rằng theo chế độ tín dụng hiện hành, thực hiện chủ trương của Ban Lãnh đạo NHNT thời điểm hiện tại về mở rộng tín dụng đối với Doanh nghiệp vừa và nhỏ, phân tích tư cách, năng lực thực tế của Chủ doanh nghiệp, đặc trưng riêng của ngành hàng sản xuất may xuất khẩu và qua tính toán hiệu quả và

---

khả năng trả nợ của Dự án; Tài sản đảm bảo tiền vay do Công ty TNHH Tuấn Lợi đề xuất thì Ngân hàng chấp nhận tài trợ cho dự.

### **2.3. đánh giá về chất lượng thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

#### **2.3.1. Kết quả đạt được**

Năm 2002, mặc dù nền kinh tế Việt Nam gặp nhiều khó khăn nhất định do ảnh hưởng suy giảm của kinh tế toàn cầu với sự kiện 11/09/2001 tại Mỹ, sự suy thoái của nền kinh tế Nhật Bản, EU, các dòng lưu chuyển vốn và hàng hoá và hoạt động đầu tư đều tăng trưởng chậm. Điều đó cho thấy khả năng tăng trưởng thấp của kinh tế Việt Nam năm 2002, song hoạt động tín dụng nói chung và hoạt động của Phòng Đầu Tư Dự án nói riêng vẫn phát triển tốt.

Nhìn chung, hoạt động tín dụng trung và dài hạn của Ngân Hàng Ngoại Thương năm 2002 rất thành công. Mà trong sự phát triển của hoạt động tín dụng không thể không kể đến hoạt động cho vay theo dự án. Nền kinh tế càng đi lên thì càng có nhiều dự án ra đời, điều đó cũng đồng nghĩa với việc cho vay theo dự án ngày càng chiếm tỷ trọng lớn. Năm 2002 có rất nhiều chương trình cho vay các dự án trọng điểm của Nhà nước. Như vậy, sự thành công của hoạt động tín dụng trung và dài hạn cũng là sự thành công của hoạt động cho vay theo dự án. Điều đó có nghĩa là phải kể đến sự đóng góp một phần không nhỏ của thẩm định tài chính dự án. Hay thành công nổi bật nhất của hoạt động thẩm định dự án nói chung và thẩm định tài chính nói riêng tại Ngân Hàng Ngoại Thương trong năm vừa qua đã góp phần vào mở rộng các hoạt động cho vay, nâng cao doanh số cho vay cũng như chất lượng tín dụng, giảm bớt nợ quá hạn và rủi ro tín dụng.

Điều đó cũng có nghĩa là chất lượng thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương ngày càng được nâng cao. Ngân hàng ngày càng có được những dự án có chất lượng, mang lại nhiều lợi nhuận cho Ngân hàng.

---

---

Tóm lại, hoạt động thẩm định dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương trong năm qua đã đạt được những kết quả rất đáng khích lệ. Điều đó biểu hiện cụ thể như sau:

Thứ nhất, các yếu tố như kế hoạch vốn, nguồn tài trợ, dòng tiền và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính dự án được xác định một cách khoa học, và toàn diện. Ngoài ra trong việc đánh giá các chỉ tiêu tài chính Ngân hàng cũng đã xử lý theo quy tắc giá trị thời gian của tiền.

Thứ hai, dự án được thẩm định có tính đến các nhân tố ảnh hưởng của môi trường, cả chủ quan và khách quan. Từ đó, Ngân hàng có thể dự kiến được những rủi ro hay những biến động bất lợi như về nguyên giá, về thị hiếu của người tiêu dùng, về chính sách chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, về đối thủ cạnh tranh, về hạn ngạch... và tìm cách hạn chế những rủi ro này.

Thứ ba, dự án được ngân hàng thẩm định trong một thời gian ngắn với chi phí thấp nhất cho chủ đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi để chủ đầu tư có thể đưa dự án đi vào hoạt động, đây là nhân tố có tác động tích cực đến thành công của dự án khi dự án đi vào hoạt động.

Có được những kết quả như vậy là nhờ Ngân hàng đã có những bước cải thiện đáng kể trong công tác thẩm định. Điều đó có được là các nhân tố sau:

+ Đội ngũ cán bộ có trình độ: Ngân Hàng Ngoại Thương có một đội ngũ cán bộ thẩm định có phẩm chất đạo đức tốt, am hiểu về kiến thức chuyên môn, về kinh tế thị trường, tài chính, ngân hàng đặc biệt là kiến thức về thẩm định tài chính dự án, tình hình đầu tư tại Việt Nam. Điều đó đã giúp cho việc phân tích dự án được thực hiện một cách toàn diện trên nhiều phương diện, giúp nâng cao chất lượng thẩm định dự án.

+ Thực hiện tốt việc phân cấp thẩm định: Việc phân cấp thẩm định theo hạn mức tín dụng của Ngân Hàng Ngoại Thương là khá hợp lý. Ngân

---



---

hàng đã tiến hành phân cấp trong việc tổ chức thẩm định giữa các chi nhánh và trung ương. Ngân hàng đưa ra mức phán quyết cho vay tối đa của chi nhánh dựa trên cơ sở đặc điểm của từng kinh doanh của từng chi nhánh như khả năng về vốn, về trình độ, về kinh nghiệm trong hoạt động tín dụng và đặc điểm địa phương. Các chi nhánh được quyền ra quyết định trong hạn mức phán quyết về tín dụng đã được quy định của mình. Khi vượt mức quyền phán quyết, Chi nhánh vẫn tiến hành thẩm định dự án, và chỉ khi dự án có khả thi mới gửi lên Hội sở chính. Điều đó đã giảm bớt được công việc cho Hội sở chính, tiết kiệm thời gian và công sức cho cán bộ thẩm định trên Hội sở chính.

Còn đối với các dự án phức tạp, có nhu cầu về vốn đầu tư lớn, khi thông qua quyết định tài trợ phải được sự thông qua của Hội đồng Tín dụng.

Ngân hàng quy định quy trình cho vay theo nguyên tắc bảo đảm tính độc lập và phân định rõ trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cho vay. Điều này đã làm cho trách nhiệm thẩm định của các bộ phận này được nâng cao, tạo sức mạnh tập thể và loại bỏ được rủi ro đạo đức của cán bộ ngân hàng.

#### + Quy trình, nội dung thẩm định toàn diện

Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam đã xây dựng thống nhất một quy trình thẩm định từ Trung ương tới các Chi nhánh. Hoạt động có định hướng có chuẩn mực rõ ràng, chất lượng hoạt động thẩm định được nâng cao. Trong quy chế cho vay, Ngân hàng đã quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận thẩm định, tái thẩm định. Quá trình thẩm định được tiến hành theo mẫu thống nhất, với các bước cụ thể và rõ ràng.

+ Ngoài ra, Ngân Hàng Ngoại Thương còn có một hệ thống trang thiết bị thông tin hiện đại, luôn đi đầu trong việc đầu tư đổi mới và nâng cao chất lượng cơ sở vật chất phục vụ cho các hoạt động tác nghiệp nói chung và hoạt thẩm định tài chính dự án nói riêng.

---

Trên đây là những đánh giá sơ bộ về những thành tựu đáng khích lệ của hoạt động thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam trong năm vừa qua. Tuy nhiên ngoài những mặt đã đạt được đó thì muốn nâng cao hơn nữa chất lượng thẩm định, Ngân hàng cần phải khắc phục được những hạn chế đang phải đối mặt.

### **2.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân**

#### **2.3.2.1. Hạn chế**

Nhìn chung, hoạt động thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương tương đối tốt. Tuy nhiên, cái gì cũng có tính hai mặt của nó. Hay nói cách khác, bên cạnh những kết quả đạt được ở trên thì vẫn còn một số hạn chế trong công tác thẩm định, cụ thể và biểu hiện như sau:

**Thứ nhất:** Kết quả hoạt động thẩm định mang lại chưa tương xứng với tiềm năng của Ngân hàng, và còn có những dự án không hiệu quả đi vào hoạt động

Trên thực tế, có nhiều dự án không khả thi, phương án sản xuất kinh doanh, phương án trả nợ không tốt, nhưng Ngân hàng vẫn cho vay vì dự án có tài sản thế chấp lớn.

Và biểu hiện của hạn chế này là: Tổng dư nợ quá hạn trong toàn hệ thống đến thời điểm cuối năm 2002 là 661 tỷ VND, chiếm 2,41% trên tổng dư nợ và cao hơn mức đề ra từ đầu năm là 2%. Vấn đề nợ quá hạn này vẫn luôn là một bài toán khó đối với ngành Ngân hàng nói chung và đối với Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam nói riêng. Ngân hàng phải luôn tìm cách xử lý những món nợ quá hạn, đồng thời cũng phải luôn chủ động có biện pháp phòng chống rủi ro có thể xảy ra. Mà hoạt động tín dụng lại là hoạt động chứa đựng rủi ro rất cao.

**Thứ hai:** Nhiều dự án rất khả thi, có đầy đủ điều kiện là một dự án sẽ hoạt động rất hiệu quả nhưng lại không đủ tài sản thế chấp, và lại thêm chủ dự án là những công ty TNHH nên Ngân hàng không giám cho vay. Bởi vì

---

---

khi xảy ra rủi ro, đặc biệt là với chủ dự án là công ty TNHH thì Ngân hàng rất khó thu hồi vốn và không có người thay thế chịu trách nhiệm về khoản vay đó. Vì vậy mà hoạt động thẩm định nhiều khi đã bỏ qua rất nhiều dự án tốt, hứa hẹn đem lại lợi nhuận cao cho Ngân hàng.

Tất cả những hạn chế trên không thể quy kết trách nhiệm một cách đơn giản được. Mà để hiểu được lý do tại sao lại tồn tại, tại sao lại chưa xử lý được những hạn chế đó thì chúng ta phải tìm hiểu rõ nguyên nhân của những hạn chế đó. Đồng thời cũng từ việc hiểu rõ hạn chế và nguyên nhân của vấn đề thì mới tìm ra được hướng đi đúng.

Vì vậy, trước khi có những giải pháp khắc phục khó khăn phải tìm hiểu rõ nguyên nhân từ hai góc độ chủ quan và khách quan.

### ***2.3.3.2. Nguyên nhân***

#### ***✧ Nguyên nhân chủ quan***

Nguyên nhân chủ quan là các nguyên nhân thuộc về các nhân tố nội tại của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam, do đó hoàn toàn có thể kiểm soát được.

#### **Thứ nhất: Sự thiếu hụt thông tin**

Trong công tác thẩm định tài chính dự án thông tin là một trong những nhân tố có tính chất quyết định. Vậy mà theo tình trạng hiện nay thì thông tin hạn chế cả về số lẫn chất lượng.

Khi thẩm định, thông tin được lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Nguồn thông tin từ bên ngoài phục vụ cho công tác thẩm định, quyết định cho vay hiện đều do chính khách hàng cung cấp hoặc từ một số các nguồn khác như báo chí, đài... Việc mua thông tin, tổ chức theo dõi phân tích và dự báo theo mặt hàng, ngành hàng và lĩnh vực kinh tế hầu như chưa thực hiện, kể cả tại Hội sở Trung ương. Chính vì vậy, việc thẩm định cho vay gặp khó khăn, chất lượng thẩm định phần nào bị hạn chế. Còn nguồn thông tin nội

---

bộ, nó hết sức quan trọng để phục vụ cho công tác quản lý. Tuy nhiên, do chất lượng các loại báo cáo không cao, tỷ lệ sai lệch với thực tế nhiều khi khá lớn vì vậy ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng điều hành quản lý. Ngoài ra, thực tế cho thấy việc cho vay và quản lý khoản vay hiện được tiến hành khá độc lập bởi riêng phòng tín dụng. Sự chia sẻ thông tin và phối kết hợp giữa các phòng với nhau còn yếu (nhất là tại các chi nhánh lớn).

### **Thứ hai: Quy trình, nội dung thẩm định chưa chặt chẽ**

Quy trình thẩm định tuy đã được thống nhất trong toàn ngành Ngân hàng nhưng vẫn còn có những hạn chế cần phải khắc phục.

- Thẩm định dòng vào và dòng ra còn chưa sát với thực tế.

Trong các dự án khi tính toán doanh thu và chi phí, Ngân hàng thường dựa vào mức công suất dự kiến và giá bán dự kiến sau khi tham khảo tình hình tiêu thụ sản phẩm cùng loại, định hướng phát triển của ngành, dự báo nhu cầu thị trường. Vì vậy trên thực tế, không thể nói là Ngân hàng đã có một kết quả dự tính chính xác được, nhất là trong nền kinh tế thị trường tình hình luôn biến động khó lường trước.

Ngoài ra, còn phải nói tới cách tính khấu hao của dự án. Ngân hàng dự tính giá trị thu hồi cuối cùng của dự án sau đó được trừ khỏi phần giá trị ban đầu rồi chia cho số năm để có thể có được mức khấu hao hàng năm. Như vậy là thiếu tính chính xác và tính hợp lý.

Từ sự thiếu chính xác trong cách tính doanh thu, chi phí và khấu hao nói trên dẫn đến ảnh hưởng đến các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án, làm cho chất lượng công tác thẩm định tài chính dự án không cao.

- Thẩm định luồng tiền không tuân thủ một cách triệt để giá trị thời gian của tiền.

- Việc đưa ra chỉ tiêu tài chính tiêu chuẩn là rất khó vì Ngân hàng chưa xây dựng được một hệ thống các chỉ tiêu tiêu chuẩn đối với từng ngành nghề. Vì vậy khi Ngân hàng đánh giá chỉ tiêu tài chính chỉ là trên

---

---

góc độ tương đối. Ngoài ra việc tính các chỉ tiêu tài chính vẫn luôn tồn tại những nhược điểm đã nêu ở phần trước

- Phân tích độ nhạy của dự án còn mang nặng tính chủ quan

### **Thứ ba: Trình độ thẩm định dự án tại nhiều chi nhánh chưa cao**

Tình hình chung cho thấy tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng trung dài hạn có xu hướng tăng cao tại tất cả các chi nhánh trong năm 2002. Trong khi đó, do chưa được trang bị đầy đủ kiến thức và chưa nhiều kinh nghiệm nên nhìn chung lực lượng cán bộ tín dụng ( nhất là tại các chi nhánh nhỏ) chưa đủ năng lực thẩm định các dự án. Đặc biệt đối với các dự án có qui mô lớn, tính chất kỹ thuật phức tạp.

Trên đây là những nguyên nhân chủ quan có ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng thẩm định tài chính dự án. Việc xác định các nguyên nhân chủ quan là điều kiện cần nhưng chưa đủ, phải xác định được các nguyên nhân khách quan của những hạn chế đó.

#### **✧ Nguyên nhân khách quan**

Nguyên nhân khách quan là nguyên nhân xuất phát từ điều kiện bên ngoài, những yếu tố khách quan từ môi trường do đó tự bản thân Ngân hàng không thể điều chỉnh được, Ngân hàng phải tìm cách thích nghi và hạn chế được phần nào mà thôi. Nhóm nguyên nhân khách quan này bao gồm

### **Hệ thống thông tin giữa các Ngân hàng chưa phát triển**

Nhìn chung chất lượng thẩm định dự án trong ngành Ngân hàng chưa cao, nhất là chưa có sự phối hợp, hỗ trợ chặt chẽ giữa Ngân hàng Nhà nước với các ngân hàng thương mại cũng như giữa các ngân hàng thương mại với nhau trong việc cung cấp thông tin trong hoạt động thẩm định dự án ở từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể.

Trung tâm thông tin tín dụng trực thuộc Vụ Tín dụng Ngân hàng Nhà

---

---

nước tuy đã ra đời vài năm nay nhưng cũng chưa thực hiện được đầy đủ vai trò của mình trong việc hỗ trợ các ngân hàng. Điều này cũng góp phần vào việc làm giảm chất lượng thẩm định tài chính dự án của các Ngân hàng nói chung và Ngân Hàng Ngoại Thương nói riêng.

### **Hệ thống văn bản pháp luật còn nhiều bất cập, chưa đầy đủ và đồng bộ**

Hoạt động thẩm định nói riêng và hoạt động tín dụng nói chung liên quan rất chặt chẽ với các quy định của pháp luật trên nhiều khía cạnh khác nhau, mà hiện nay các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động tín dụng đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện nên còn nhiều bất cập, chồng chéo, chưa đầy đủ, thiếu tính ổn định, thủ tục còn rườm rà. Điều đó đã làm cho công tác thẩm định của Ngân hàng gặp nhiều khó khăn.

Trong tình hình hiện nay, mặc dù đã có nhiều cố gắng song các cơ chế, chính sách về quản lý đầu tư, về tính công khai trong hoạt động của các doanh nghiệp, về các quy định trong hoạt động tín dụng,... còn rất yếu nên đã gây trở ngại cho hoạt động thẩm định.

Ngoài ra, công tác thẩm định dự án cũng đang gặp một số khó khăn về chính sách trong thực hiện cho vay, đặc biệt là vấn đề bảo đảm tiền vay.

### **Tình trạng thiếu trung thực và năng lực hạn chế của các chủ đầu tư**

Việc lập dự án đầu tư được thực hiện theo thông tư số 09/HĐBT/VPTĐ ngày 21/9/96 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn lập và thẩm định dự án đầu tư. Nội dung của dự án theo quy định gồm 11 nội dung cụ thể nhưng trên thực tế, phần lớn các dự án khả thi mà ngân hàng tiến hành thẩm định đã không lập đầy đủ theo các nội dung hướng dẫn.

Và nguyên nhân thứ hai từ phía chủ đầu tư là kiến thức của khách hàng xin tài trợ về quản lý kinh doanh, về pháp luật còn thấp, trình độ lập dự án còn yếu dẫn tới dự án thiếu chính xác, thiếu căn cứ khoa học, đã

---

---

gây nên không ít khó khăn cho công tác thẩm định dự án nói chung và công tác thẩm định tài chính dự án nói riêng. Vì vậy, chất lượng thẩm định tài chính dự án cũng bị ảnh hưởng ít nhiều.

Ngoài ra, có những dự án khả thi nhưng do năng lực điều hành sản xuất kinh doanh của chủ đầu tư kém, việc sử dụng vốn vay sai mục đích dẫn đến hậu quả là dự án khả thi nhưng khi thực hiện lại không thành công. Và cũng có trường hợp chủ dự án là giám đốc các công ty tư nhân, công ty TNHH gặp tai nạn bất ngờ, không có người thay thế chịu trách nhiệm thì mặc dù dự án có khả thi như thế nào, Ngân hàng vẫn phải chịu rủi ro đó. Đồng thời chất lượng thẩm định dự án bị ảnh hưởng. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến việc Ngân hàng ngại cho vay đối với các thành phần này. Và vì vậy, nhiều khi Ngân hàng đã bỏ lỡ rất nhiều dự án có chất lượng tốt.

Nhìn chung, tại thời điểm hiện tại hoạt động của ngân hàng nói chung và hoạt động thẩm định dự án nói riêng có nhiều thuận lợi hơn là khó khăn do những lợi thế hiện tại của Ngân Hàng Ngoại Thương về lãi suất, vốn, công nghệ. Môi trường thuận lợi ở chỗ còn nhiều đoạn khách hàng tốt mà Ngân Hàng Ngoại Thương có thể hướng sang được với những thế mạnh vốn có của mình. Tuy nhiên, để Ngân Hàng Ngoại Thương trở thành một trong những ngân hàng có tầm cỡ trong khu vực và trên thế giới cần phải khắc phục hơn nữa những hạn chế trong hoạt động của Ngân hàng nói chung và hoạt động thẩm định tài chính dự án nói riêng.

---

## Chương III

### **Giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

#### **3.1. Định hướng hoạt động cho vay của Ngân Hàng Ngoại Thương trong thời gian tới**

Đối với các ngân hàng Việt Nam hiện nay, loại hình nghiệp vụ đem lại nguồn thu nhập cao nhất cho ngân hàng vẫn là tín dụng. Mà hoạt động của Ngân Hàng Ngoại Thương phải luôn đảm bảo tính an toàn và hiệu quả. Vì vậy mục tiêu của chiến lược sử dụng vốn của Ngân Hàng Ngoại Thương trong những năm tới là "tăng trưởng - an toàn - hiệu quả".

Để tiếp tục phát huy được những thành quả đã được và thực hiện thành công mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, trong thời gian tới hoạt động cho vay tại Ngân Hàng Ngoại Thương được định hướng như sau:

Ngân hàng tận dụng mọi thời cơ để mở rộng tín dụng, đặc biệt nâng cao tỷ trọng tín dụng đầu tư trung và dài hạn từ 30 - 40% tổng dư nợ, trong đó ngân hàng rất chú trọng tới hoạt động cho vay theo dự án.



---

Ngân hàng phần đầu mức tăng trưởng dư nợ tín dụng chung đến 31/12/2003 tăng 27,1% so với cùng kỳ năm 2002 và tỷ lệ nợ quá hạn/ tổng dư nợ luôn thấp hơn 3,5%.

Bám sát định hướng của Nhà nước về chiến lược phát triển kinh tế, sớm tiếp cận với các dự án, các chương trình kinh tế trọng điểm để chủ động bố trí vốn, trực tiếp tham gia hoặc tham gia theo phần, đồng tài trợ với các ngân hàng thương mại khác để phát huy sức mạnh về vốn, kinh nghiệm cũng như hạn chế rủi ro. Tiếp tục mở rộng các đối tượng cho vay nhằm khai thác mọi tiềm năng trong nền kinh tế, có cơ chế thoả đáng trong chính sách tín dụng cho mục tiêu xã hội. Tuy nhiên, với thế mạnh về vốn Ngân Hàng Ngoại Thương sẽ tập trung một tỷ trọng vốn thích đáng đầu tư vào các dự án lớn thuộc các doanh nghiệp có vị trí quan trọng trong nền kinh tế quốc dân (các tổng công ty 90, 91). Còn đối với các đối tượng khách hàng khác Ngân hàng cũng nên thực hiện các chính sách mềm dẻo để thu hút những khách hàng tiềm năng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các doanh nghiệp thuộc loại vừa và nhỏ bên cạnh việc củng cố đội ngũ khách hàng truyền thống.

Ngoài ra, Ngân Hàng Ngoại Thương cũng phải cạnh tranh mạnh mẽ với các ngân hàng khác. Vì vậy Ngân hàng cần nâng cao khả năng cạnh tranh bằng những ưu thế và sự khác biệt như cạnh tranh bằng công cụ lãi suất, phí giao dịch hấp dẫn, phong cách phục vụ, công tác marketing...đặc biệt đối với các khoản vay lớn, các dự án có tính khả thi và độ an toàn cao.

Tuy nhiên, mở rộng tín dụng không thể bỏ qua việc nâng cao chất lượng tín dụng, đảm bảo vốn được đầu tư vào các dự án có hiệu quả không chỉ hiệu quả về mặt kinh tế mà cũng cần đến hiệu quả về mặt xã hội của dự án, đảm bảo khả năng thu hồi vốn.

Vậy thực chất của việc mở rộng tín dụng chính là lấp đầy những khoảng trống mà do sự hạn chế trong việc cho vay nên Ngân hàng đã bỏ sót

---

---

những khách hàng, những dự án tốt. Do đó, Ngân hàng cần phải thẩm định tốt để hoạt động tín dụng không những được mở rộng mà còn được nâng cao chất lượng. Đặc biệt là phải nâng cao chất lượng thẩm định tài chính trong hoạt động cho vay của Ngân hàng.

### **3.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam**

#### **3.2.1. Định hướng cho công tác thẩm định tài chính dự án trong thời gian tới**

Với định tích cực tìm kiếm các dự án khả thi để đẩy mạnh công tác cho vay nhằm phục vụ tốt hơn sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước thì trong thời gian tới, công tác thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương cần dựa trên những hướng sau:

Công tác thẩm định tài chính phải xuất phát từ tình hình thực tiễn trong ngành và nhằm phục vụ cho hoạt động cho vay trong từng giai đoạn.

Quy trình tiến hành công tác thẩm định phải được tiến hành một cách khoa học, hiện đại sát với tình hình thực tế và phù hợp với nghiệp vụ của Ngân hàng.

Công tác thẩm định dự án đòi hỏi tính chủ động, năng lực sáng tạo, khả năng phân tích, tổng hợp, đặc biệt là trong thẩm định tài chính dự án.

#### **3.2.2. Một số giải pháp**

Công tác thẩm định tài chính dự án tại Ngân Hàng Ngoại Thương luôn cần phải hoàn thiện hơn. Và để được như vậy, những hạn chế đã nêu trên cần có giải pháp khắc phục.

#### **Thứ nhất: Tăng cường công tác thu thập thông tin và nâng cao chất lượng thông tin**

Trong thời đại thông tin ngày nay, vai trò thông tin mang tính sống còn đối với bất kỳ một đơn vị, tổ chức kinh doanh nào, đặc biệt là đối

---

---

với ngành ngân hàng và nhất là hoạt động tín dụng. Trong đó, vai trò thông tin lại càng quan trọng hơn trong hoạt động thẩm định tài chính dự án. Chất lượng thẩm định tài chính dự án phụ thuộc rất nhiều vào chất lượng của nguồn thông tin mà ngân hàng thu thập được vậy nên nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án thì điều quan trọng là phải có được nguồn thông tin đáng tin cậy, chính xác và kịp thời.

- Đối với nguồn thông tin nội bộ

Để đảm bảo xây dựng được hệ thống tin hoạt động có hiệu quả Ngân hàng cần phải hoàn thiện hệ thống cung cấp thông tin, báo cáo nội bộ, có sự trao đổi thường xuyên giữa các chi nhánh trong nội bộ ngân hàng. Mạng lưới thông tin phải kết hợp chặt chẽ từ trung ương đến địa phương. Tất cả những thông tin về tín dụng cần phải được tập trung về một mối là phòng thông tin tín dụng tại trung ương. Điều này nhằm đảm bảo thông tin liên quan đến dự án và thẩm định dự án sẽ được cung cấp nhanh chóng kịp thời, đầy đủ, chính xác khi cần thiết. Tại phòng thông tin tín dụng trung ương các thông tin cũng nên được phân nhóm theo từng ngành nghề, lĩnh vực, khu vực khác nhau.

Ngoài ra, Ngân Hàng Ngoại Thương còn là một ngân hàng được trang bị hệ thống máy tính hiện đại nhất so với các Ngân hàng khác ở Việt Nam, đây chính là điểm lợi thế của Ngân Hàng Ngoại Thương. Vì vậy, Ngân Hàng Ngoại Thương cần biết khai thác tối đa lợi thế của mình. Ngân hàng xây dựng mạng lưới hệ thống máy tính nội bộ để trao đổi thông tin giữa các phòng và chi nhánh được tiến hành nhanh chóng. Ngân hàng nếu biết khai thác có hiệu quả mạng máy tính thì đây sẽ là chìa khoá giải quyết vấn đề thông tin một cách kịp thời và chính xác nhất.

- Đối với nguồn thông tin bên ngoài

Nguồn thông tin bên ngoài là nguồn được thu thập từ Phòng thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước, của các Ngân hàng thương mại khác,

---

---

rồi từ phía bạn hàng, từ các cơ quan quản lý khác nhau như các Bộ Thương mại, Bộ Đầu tư, từ sách báo, tạp chí,... Nguồn thông tin này cũng quan trọng không kém nguồn thông tin nội bộ. Tuy nhiên, nguồn thông tin bên ngoài thường đa dạng hơn nguồn thông tin nội bộ và có độ tin cậy kém hơn. Vì vậy, Ngân Hàng Ngoại Thương cần có kế hoạch thu thập thông tin từ bên ngoài một cách hợp lý.

Ngân hàng cần có bộ phận chuyên thu thập thông tin, cần có sự giúp đỡ của các công ty kiểm toán để kiểm tra tính chính xác và trung thực của các báo cáo tài chính mà doanh nghiệp xin vay vốn trình lên.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng nên tham khảo ý kiến của các chuyên gia tư vấn kỹ thuật để trợ giúp trong việc thẩm định khía cạnh kỹ thuật công nghệ của dự án, từ đó xác định chính xác tổng nhu cầu vốn đầu tư.

Trong điều kiện hiện nay, tìm kiếm thông tin trên mạng thông tin toàn cầu Internet đang rất được phổ biến rộng rãi và cập nhật.

## **Thứ hai: Hoàn thiện nội dung, phương pháp thẩm định**

- Nâng cao tính chính xác của việc tính toán các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính.

Ngân hàng cần nghiên cứu và đưa ra các tiêu chuẩn cho phép đối với từng ngành nghề. Từ đó, Ngân hàng có thể so sánh với các chỉ tiêu hiệu quả và an toàn tài chính của dự án, dù có thể không tuyệt đối chính xác nhưng nó cũng góp phần vào việc đi đến kết luận tài trợ hay không.

Hệ thống chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính dự án là nội dung rất quan trọng trong quá trình thẩm định tài chính dự án. Vì vậy, các chỉ tiêu này cần được tính toán một cách cẩn thận, chính xác, tính đúng giá trị. Trong đó, cán bộ thẩm định đặc biệt quan tâm đến giá trị thời gian của tiền thì mới so sánh được giá trị tại các thời điểm khác nhau một cách chính xác được. Điều đó cũng có nghĩa là cán bộ thẩm định phải xác định chính xác khoản thu hồi ở thời điểm cuối dự án và tỷ lệ chiết khấu.

---

---

### *Xác định đúng khoản thu hồi ở thời điểm cuối dự án*

Các khoản thu hồi như thu hồi thanh lý TSCĐ khi dự án kết thúc, khoản thu nhập này là khoản thu nhập làm tăng giá trị luồng tiền tại thời điểm cuối của dự án, khi xác định luồng tiền thì khoản thu hồi này được coi là khoản thu nhập bất thường và phải chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

### *Xác định chính xác tỷ lệ chiết khấu*

Xác định chính xác tỷ lệ chiết khấu là một việc làm không đơn giản. Về lý thuyết tỷ lệ chiết khấu là chi phí bình quân gia quyền của vốn - WACC, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay việc xác định được chi phí vốn bình quân không phải là việc làm dễ dàng. Vấn đề là phải xác định được mức độ rủi ro đối với từng loại ngành nghề, lĩnh vực khác nhau từ đó có thể lấy dự đoán đó làm cơ sở cho việc dự tính lãi suất chiết khấu.

Đối với dự án này lãi suất chiết khấu được ngân hàng sử dụng là lãi suất cho vay.

- Cần linh hoạt hơn trong các dự tính mức thay đổi của giá bán sản phẩm

Khi áp dụng các phương pháp hiện đại dự án không chỉ được xem xét ở trạng thái tĩnh mà nó còn được xem xét ở trạng thái động nhằm đưa ra những phân tích mang tính chất thực tế hơn. Từ đó, Ngân hàng có những đánh giá xác đáng về mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận. Mức độ này hợp lý thì ngân hàng sẽ chấp nhận tài trợ. Ngoài ra, việc nhận diện được mức độ của rủi ro còn giúp cho ngân hàng có được các biện pháp phòng ngừa hiệu quả để hạn chế các rủi ro đó. Ngân hàng có thể dùng hai cách để dự tính mức độ biến thiên của các yếu tố của dự án.

Đối với phân tích tình huống: tức là phân tích các tình huống xấu nhất, tốt nhất có thể xảy ra đối với dự án đồng thời xác xuất xảy ra các trường hợp đó. Tuy nhiên ở Việt Nam phân tích tình huống là không phổ biến, vì chất lượng thông tin ở Việt Nam còn rất kém.

---

---

## Đối với phân tích độ nhạy

Phân tích độ nhạy nhằm xác định chính xác các yếu tố mà tác động của rủi ro dự toán nhiều nhất. Trong phân tích nhạy cảm, người ta phân tích sự thay đổi của NPV khi có một nhân tố thay đổi với giả định các nhân tố khác được cố định.

Thẩm định dự án là nghiên cứu một tập tài liệu được soạn thảo trên cơ sở các giả định nên không thể dự báo một cách chính xác và đầy đủ những gì có thể xảy ra trong tương lai. Vì vậy mà phân tích độ nhạy được sử dụng rất phổ biến trong thẩm định dự án.

Để có được kết quả phân tích độ nhạy tốt, đội ngũ cán bộ thẩm định của Ngân hàng phải có tầm nhìn vĩ mô, tầm nhìn mang tính định hướng, chiến lược thì mới đưa ra được những giả thiết, những tình huống sát với thực tế, có khả năng tác động đến dự án trong tương lai như: biến động của thị trường, giá cả sản phẩm, sự thay đổi về chính sách thuế...

Cũng thông qua việc phân tích độ nhạy, Ngân hàng xác định được những nhân tố có tác động lớn nhất tới các chỉ tiêu hiệu quả của dự án, từ đó có biện pháp bảo đảm, hỗ trợ và hạn chế rủi ro.

Qua phân tích các giải pháp nêu trên, đối với dự án tài trợ xây dựng nhà máy sản xuất da và các sản phẩm giả da tại Minh Đức - Mỹ Hòa - Hưng Yên, quá trình thẩm định của dự án cần được thẩm định như sau

Giá cả được điều chỉnh theo mức hợp lý

**Bảng 3.1: Tóm tắt dự kiến doanh thu**

*Đơn vị: đồng*

Danh mục	7-2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009
CS đạt được của dự án	60%	70%	80%	90%	100%	100%	100%
1-Ba lô xuất khẩu							
Số lượng	24,000	56,000	64,000	72,000	80,000	80,000	80,000

---

Đơn giá (1000đ/c)	48.89	48.89	48.89	48.89	48.89	48.89	48.89
Thành tiền	1,173,360	2,737,840	3,128,960	3,520,080	3,911,200	3,911,200	3,911,200
2-Túi đựng Barit loại 1 tấn							
Số lượng	50,400	58,800	67,200	75,600	84,000	84,000	84,000
Đơn giá (1000đ/c)	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0	82.0
Thành tiền	2,066,400	4,821,600	5,510,400	6,199,200	6,888,000	6,888,000	6,888,000
3-Cặp sách học sinh, cán bộ							
Số lượng	3,000	3,500	4,000	4,500	5,000	5,000	5,000
Đơn giá (1000đ/c)	55	55	55	55	55	55	55
Thành tiền	165,000	192,500	220,000	247,500	275,000	275,000	275,000
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3,239,760</b>	<b>7,751,940</b>	<b>8,859,360</b>	<b>9,966,780</b>	<b>11,074,200</b>	<b>11,074,200</b>	<b>11,074,200</b>

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

**Bảng 3.2: Kết quả tài chính của dự án**

Đơn vị: Triệu đồng

	07/2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	2010
<b>Doanh thu</b>	<b>3,239,760</b>	<b>7,751,940</b>	<b>8,859,360</b>	<b>9,966,780</b>	<b>11,074,200</b>	<b>11,074,200</b>	<b>11,074,200</b>	<b>11,074,200</b>
<b>Lãi gộp</b>	<b>1,165,854</b>	<b>3,480,841</b>	<b>4,267,994</b>	<b>4,934,871</b>	<b>5,757,341</b>	<b>5,718,697</b>	<b>5,605,932</b>	<b>5,657,816</b>
<b>Lãi ròng</b>	<b>160,382</b>	<b>1,820,168</b>	<b>2,381,157</b>	<b>2,814,216</b>	<b>3,543,101</b>	<b>3,586,689</b>	<b>3,340,669</b>	<b>3,116,156</b>

(Nguồn: Báo cáo thẩm định của VCB)

---

### **Thẩm định các chỉ tiêu tài chính**

Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 9%) 2.183.948,94

Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 6%) 3.766.218,83

Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ IRR ( $r=9\%$ ) 14%

Thời gian hoàn vốn 5 năm 2 tháng

### **Thẩm định độ nhạy của dự án (doanh thu giảm 5%)**

Khi đó Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 9%) 462.467,75

---



---

Giá trị hiện tại ròng (với lãi suất chiết khấu 6%) 1.855.633,40  
Tỷ lệ hoàn vốn nội bộ IRR ( $r=9\%$ ) 10%  
Thời gian hoàn vốn 5 năm 10 tháng

### **Kết luận**

Với những tính toán ở trên, Ngân hàng có thể chấp nhận cho công ty TNHH Tuấn Lợi vay với những điều kiện như ở phần thẩm định dự án.

### **Thứ ba: Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thẩm định**

Ngân hàng hay Phòng Đầu tư dự án luôn luôn phải nâng cao trình độ, kinh nghiệm và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ thẩm định hơn nữa bởi chung quy khởi nguồn của mọi vấn đề đều bắt đầu từ con người.

Trong hoạt động thẩm định cán bộ thẩm định trực tiếp tổ chức công tác thẩm định hiệu quả tài chính dự án. Kết quả của thẩm định tài chính dự án là kết quả của việc đánh giá, xem xét dự án theo nhìn nhận chủ quan của cán bộ thẩm định dựa trên cơ sở khoa học và các tiêu chuẩn thẩm định khác nhau. Chất lượng của thẩm định tài chính dự án phụ thuộc rất nhiều vào năng lực của người cán bộ thẩm định. Vì vậy, để nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án cần phải nâng cao trình độ, chuyên môn của cán bộ thẩm định dự án.

Và giải pháp cho Phòng Đầu tư dự án là: bổ sung thêm nhân sự có đào tạo tốt. Về trình độ chuyên môn, cán bộ thẩm định cần được đào tạo chính quy, có kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường, khả năng đàm phán nhằm tăng cường năng lực hoạt động. Về kinh nghiệm công tác, phần lớn cán bộ ngân hàng đều rất trẻ, đặc biệt là cán bộ phòng thẩm định. Vì vậy Ngân hàng cần sắp xếp có sự xen kẽ giữa những cán bộ trẻ năng động, nhiệt tình với những cán bộ lâu năm đầy kinh nghiệm để có sự học hỏi trao

---

đổi và bổ sung cho nhau. Từ đó, luôn đào tạo được đội ngũ cán bộ kế cận giỏi vừa có sự hoạt bát, nhanh nhẹn, sáng tạo của tuổi trẻ, vừa được tiếp thu, lĩnh hội những kinh nghiệm quý báu của thế hệ trước, và có thể đảm đương với cương vị chủ chốt trong bất cứ trường hợp nào. Ngoài ra, không thể bỏ qua việc đào tạo cán bộ thẩm định có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có tính thần trách nhiệm, kỷ luật nghề nghiệp cao.

### **Thứ tư: Đẩy mạnh công tác chuyên môn hoá trong công việc**

Một giải pháp cũng rất quan trọng của phòng đầu tư dự án, đó là đẩy mạnh tính chuyên môn hoá trong công tác tổ chức. Ngân Hàng Ngoại Thương nói chung và phòng đầu tư dự án nói riêng cần phải đẩy mạnh tính chuyên môn hoá trong hoạt động của mình. Đối với phòng đầu tư dự án, việc tách các công việc: tìm kiếm khách hàng, thu thập thông tin, thẩm định, cho vay, theo dõi khoản vay, giải ngân và thu nợ thành các bộ phận riêng biệt là rất cần thiết. Hiện nay, cán bộ thẩm định phải làm tất cả các công việc trên. Điều đó dẫn đến công việc không mang tính tập trung, ví dụ như nhiều khi cán bộ thẩm định đang thu thập thông tin cho một dự án mới thì lại phải giải ngân một dự án khác,... hay nói cách khác là họ đồng thời phải giải quyết nhiều công việc cùng một lúc thì sẽ khó tránh khỏi chất lượng công việc không cao. Vì vậy, chuyên môn hoá các công việc trên sẽ giúp cho cán bộ thẩm định làm việc tập trung hơn, năng suất lao động cao hơn, chất lượng của từng công việc trên sẽ được nâng cao hơn, và cũng tức là chất lượng công tác thẩm định sẽ tốt hơn.

### **Thứ 5: Phân công tổ chức hợp lý**

Có một đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ thôi thì chưa đủ vì nếu họ không được bố trí một cách hợp lý thì cũng coi như bỏ phí tài năng của mình. Vì vậy, việc phân công, bố trí hợp lý, có khoa học trong quá trình thẩm định tài chính dự án sẽ tránh được sự chòng chéo không cần thiết, giảm những hạn chế và phát huy mặt tích cực của cán bộ thẩm định

---

---

cũng như của cả tập thể, giảm chi phí hoạt động cũng như rút ngắn thời gian thẩm định.

Để có được sự tổ chức, sắp xếp một cách hợp lý và khoa học thì Ngân hàng cần phải dựa trên năng lực sở trường của mỗi cán bộ nhằm phát huy được thế mạnh của họ.

Ngoài ra, hàng năm ngân hàng cần tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho cán bộ thẩm định trong toàn hệ thống với sự tham gia của các chuyên gia trong và ngoài nước để trao đổi kinh nghiệm. Và đây cũng là dịp để cán bộ của các cấp khác nhau có thể góp ý, giúp đỡ lẫn nhau, bổ sung kiến thức cho nhau, từ đó khắc phục được những khoảng cách chênh lệch về trình độ cũng như kinh nghiệm của các cán bộ trong toàn hệ thống từ trung ương đến cấp chi nhánh.

Và Ngân hàng không thể không đưa ra giải pháp về chế độ thưởng phạt rõ ràng. Vì điều này sẽ khích lệ cán bộ thẩm định tính nhiệt tình, sáng tạo, làm việc hết mình.

Tóm lại, tất cả những giải pháp trên đều là những cách để Ngân Hàng Ngoại Thương ngày càng phát triển bằng việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính. Tuy nhiên, đó là những vấn đề mà tự Ngân hàng có thể thực hiện được. Còn những vấn đề mà Ngân hàng không thể tự quyết định được, Ngân hàng phải khắc phục bằng những kiến nghị với các cơ quan chức năng có thẩm quyền liên quan trực tiếp tới vấn đề.

### **3.3. Một số kiến nghị**

#### **Kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước**

Ngân hàng Nhà nước điều tiết toàn bộ hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Vì vậy, đề nghị Ngân hàng Nhà nước cần có những chính sách hoàn thiện trung tâm thông tin tín dụng Trung ương, nâng cao vai trò điều phối, chủ động trong việc thu thập thông tin từ các nguồn, từ đó hỗ trợ cung cấp thông tin cho hoạt động thẩm định tài chính có hiệu quả hơn.

---

---

Ngân hàng Nhà nước cũng cần tổ chức những chương trình đào tạo, tập huấn, trao đổi kinh nghiệm trong toàn ngành để tăng cường hợp tác giữa các ngân hàng thương mại, đồng thời nâng cao trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ.

### **Kiến nghị với chủ dự án đầu tư**

Ngân hàng thường căn cứ vào các thông tin mà chủ dự án phân tích, cho nên mức độ chính xác của thông tin có ảnh hưởng mang tính chất quyết định đối với kết quả thẩm định. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị chủ đầu tư cần có thái độ hợp tác chặt chẽ hơn với ngân hàng.

Chủ đầu tư phải có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh việc xây dựng và lập dự án theo đúng nội dung quy định trong Thông tư số 09/BKH/VPTĐ của Bộ kế hoạch và Đầu tư ngày 21/09/1996 về việc xây dựng và thẩm định dự án.

Chủ đầu tư phải đưa ra thông tin đảm bảo tính trung thực, và có trách nhiệm đối với những thông tin cung cấp làm cơ sở cho công tác thẩm định.

### **Kiến nghị với Chính phủ và các Bộ ngành liên quan**

Vai trò của ngành Ngân hàng nói chung và của công tác thẩm định dự án nói riêng là rất quan trọng trong nền kinh tế, đặc biệt là khi xã hội ngày càng phát triển. Tuy nhiên đây cũng là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các biến động của môi trường như các chính sách, các văn bản pháp luật... Vì vậy, Chính phủ và các Bộ ngành cần phải có đường lối chính sách đúng đắn, có tầm nhìn lâu dài, tránh thay đổi liên tục các văn bản pháp luật cũng như các chính sách.

Các bộ ngành thì phải xây dựng hệ thống các chỉ tiêu, định mức kinh tế kỹ thuật của ngành do mình quản lý.

Đối với các doanh nghiệp Nhà nước, trước khi ra quyết định đầu tư, tổng mức vốn đầu tư của dự án phải được thông qua bởi cơ quan chức năng. Vì vậy, đề nghị các cơ quan chủ quản khi phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cần tính toán một cách khách quan, chính xác.

---

---

Ngoài ra, Nhà nước cần chỉ đạo các doanh nghiệp nghiêm túc thực hiện chế độ kế toán, thống kê và thông tin báo cáo theo đúng quy định, cần thành lập những công ty chuyên trách về định giá tài sản thế chấp để tránh sự sai lệch trong việc đánh giá tài sản thế chấp nhằm phục vụ tốt nhất cho công tác thẩm định, từ đó hạn chế rủi ro cho hoạt động của ngân hàng.

Chính phủ cũng nên xem xét đến việc cho Ngân hàng và doanh nghiệp tự thoả thuận giải quyết các vấn đề giữa hai bên. Bởi vì, suy cho cùng, hoạt động cho vay của Ngân hàng Thương Mại cũng như việc đi bán hàng. Nếu chủ hàng đồng ý bán hàng thì sẽ phải tự tìm cách thu hồi tiền và cũng sẽ phải có rủi ro xảy ra.

---

## Kết luận

Nền kinh tế ngày càng phát triển thì nhu cầu vốn cho sự phát triển đó càng tăng mạnh. Điều đó cũng có nghĩa là hoạt động tín dụng phát triển cùng với sự phát triển của nền kinh tế. Mà để hoạt động tín dụng ngày càng tốt hơn thì việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án đóng vai trò quan trọng. Trong thời gian gần đây, hoạt động tín dụng đã gặp rất nhiều thuận lợi, đó là môi trường đầu tư được cải thiện, rào cản pháp lý trong hoạt động ngân hàng từng bước được dỡ bỏ.

Tuy nhiên, để hoàn thiện công tác thẩm định Ngân hàng cần phải có những giải pháp đồng bộ với sự giúp đỡ từ nhiều phía trong thời gian dài. Vì vậy, trong giới hạn về thời gian và phạm vi nghiên cứu, đề tài "Nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay tại Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam" chỉ đề cập tới các vấn đề sau

- Khái quát hoạt động cơ bản của NHTM, vai trò của hoạt động tín dụng đặc biệt là tín dụng trung và dài hạn đối với NHTM. Từ đó thấy được sự cần thiết phải thẩm định tài chính dự án, và sự cần thiết phải nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án.

- Đánh giá thực trạng thẩm định tài chính dự án trong hoạt động cho vay của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam. Từ đó, rút ra được những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Đưa ra giải pháp để nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án và đề xuất một số kiến nghị.

Em hy vọng rằng những giải pháp và kiến nghị được đề cập trong cuốn chuyên đề này sẽ đóng góp một phần nhỏ vào việc nâng cao chất lượng thẩm định tài chính dự án của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam.

---

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS. Lưu Thị Hương người đã giúp đỡ em tận tình trong quá trình viết chuyên đề này cùng toàn thể cán bộ nhân viên Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam.

---

## Danh mục tài liệu tham khảo

1. PGS.TS. Lưu Thị Hương (chủ biên), 2002, *Giáo trình Tài chính Doanh nghiệp*, NXB Giáo dục.
2. TS. Phan Thị Thu Hà-TS. Nguyễn Thị Thu Thảo (chủ biên), 2002, *Giáo trình Ngân Hàng Thương Mại Quản trị và Nghiệp vụ*, NXB Thống kê Hà Nội.
3. TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (chủ biên), 2000, *Giáo trình Lập và quản lý Dự án đầu tư*, NXB Thống kê.
4. Frederic S.Mishkin, 1999, *Tiền tệ, Ngân hàng và thị trường Tài chính*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.
5. PGS.TS. Võ Thanh Thu, 1993, *Quản trị dự án đầu tư trong nước và quốc tế*, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Kim, 2001, *Tiền tệ Ngân hàng-Thị trường Tài chính*, NXB Tài chính
7. *Tổng quan về quá trình thâm định*, Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam
8. Báo cáo thường niên năm 2000, 2001 của Ngân Hàng Ngoại Thương Việt Nam.
9. Báo cáo hội nghị giám đốc, ngày 17 - 18 tháng 02 năm 2003.
10. Tài liệu tập huấn, T/05-2002, *Phân tích tài chính và Thâm định dự án đầu tư*, Chương trình hỗ trợ phát triển và hội nhập.